



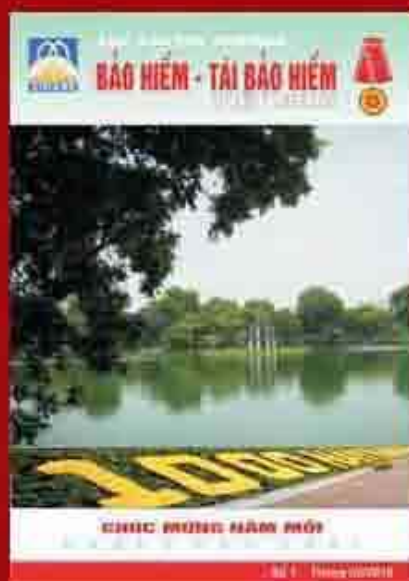
TẠP CHÍ THỊ TRƯỜNG

BẢO HIỂM - TÁI BẢO HIỂM VIỆT NAM



CHÚC MỪNG NĂM MỚI

h a p p y n e w y e a r



TỔNG BIÊN TẬP
Trịnh Quang Tuyến

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
Đỗ Quốc Tuấn

THU KÝ TOÀ SOAN
Nguyễn Thị Minh Châu

TRỊ SỰ
Nguyễn Đình Sơn

Địa chỉ: 141 Lê Duẩn
Hoàn Kiếm - Hà Nội
Tel: (84.4) 3.942 23 54
Fax: (84.4) 3.942 23 51
Email: vinare@vinare.com.vn
Website: www.vinare.com.vn

Giấy phép xuất bản số
237/GP - BVHTT
Cấp ngày 05 tháng 8 năm 2003

Mục lục

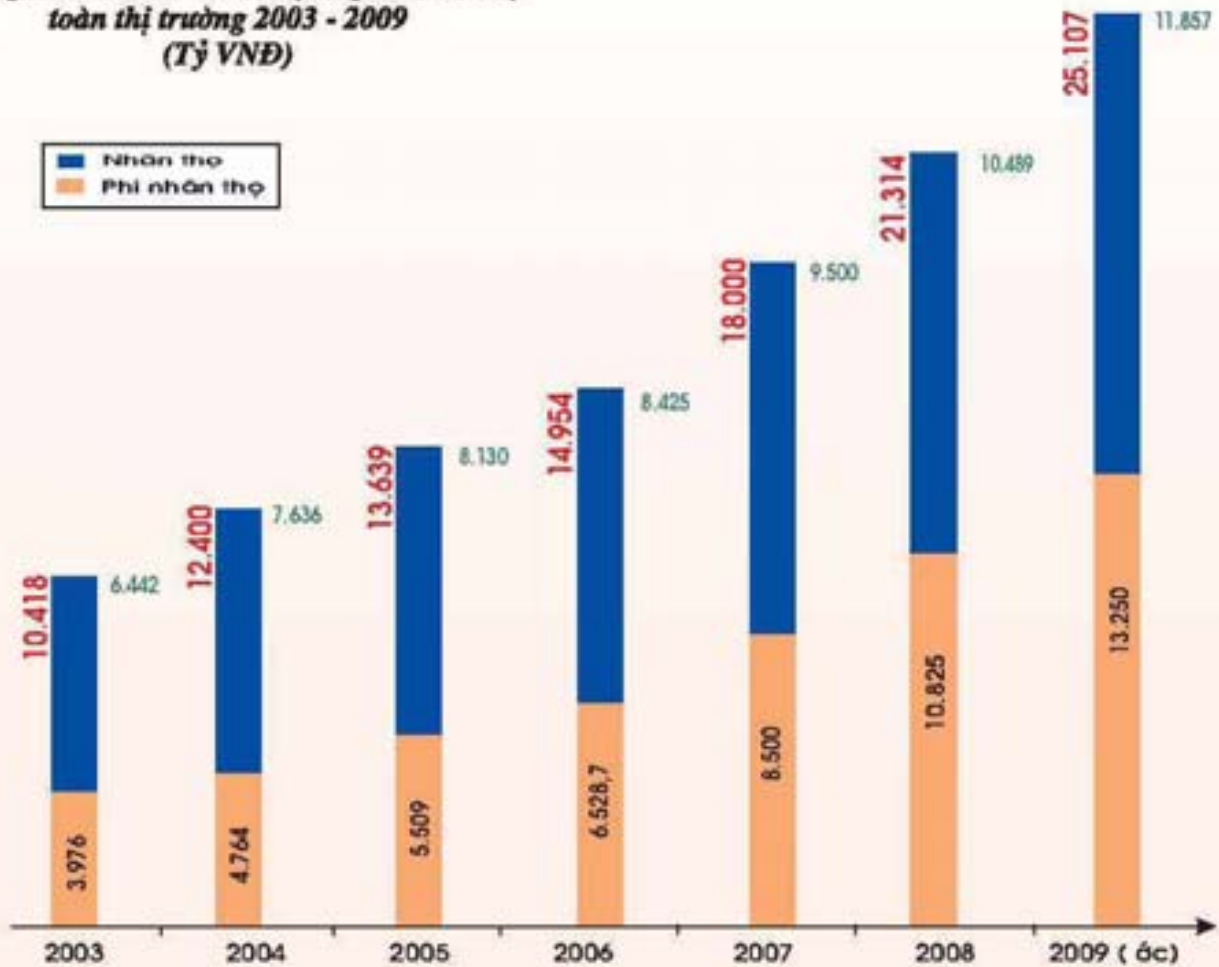
- Thư chúc mừng năm mới của Bộ trưởng Bộ Tài chính gửi các Cán bộ, Công chức ngành Tài chính [1]
- Thị trường bảo hiểm Việt Nam 2009 [2]
- VINARE nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua hợp tác chiến lược [8]
- Tổng kết nghiệp vụ Kỹ thuật 2009 [10]
- Thị trường bảo hiểm Tài sản Việt Nam 2009 [16]
- Bảo hiểm Dầu khí năm 2009 [20]
- Bảo hiểm Hàng không 2009 [23]
- Mùa tái tục P&I 2009 - 2010 [26]
- Bảo hiểm Hàng hoá năm 2009 [29]
- Bảo hiểm Thân tàu biển 2009 [34]
- Kinh tế Việt Nam năm 2009 [34]

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM **Việt Nam 2009**

Kết thúc năm 2009, mặc dù phải đối mặt với khủng hoảng tài chính và tình trạng suy thoái của kinh tế thế giới và trong nước, thị trường bảo hiểm Việt Nam vẫn ghi nhận thêm một năm thành công khi duy trì được nhịp độ tăng trưởng cao. Tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường ước đạt 25.107 tỷ VND, trong đó doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 13.250 tỷ VND (tăng 21% so với năm 2008), doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ ước đạt 11.857 tỷ VND (tăng 15% so với năm 2008).



**Tổng phí bảo hiểm nhân thọ và phí nhân thọ
toàn thị trường 2003 - 2009
(Tỷ VNĐ)**



Bảo hiểm phi nhân thọ

Tính đến cuối năm 2009, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam có 28 doanh nghiệp, trong đó một công ty mới được cấp phép thành lập trong năm là Công ty cổ phần Bảo hiểm Thái Sơn. Do những khó khăn chung của nền kinh tế trong năm 2009, tốc độ tăng trưởng của thị trường phi nhân thọ có thấp hơn so với năm trước (29%), nhưng vẫn ở mức tương đối ổn định là 21% so với năm 2008.

Một số doanh nghiệp bảo hiểm lớn vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng như Bảo Việt (8,5%), PVI (31%), PTI (30%). Bảo Việt tiếp tục giữ vững vị trí đứng đầu thị trường với thị phần 30,4%, kế tiếp là PVI với thị phần 20,6%, Bảo Minh 17,1% và PJICO 9,7%. Một số nghiệp vụ bảo hiểm chính vẫn tăng trưởng tương đối tốt như bảo hiểm tài sản ước đạt

22%, bảo hiểm hàng hoá 30%, bảo hiểm thân tàu 20%.

Tình hình cạnh tranh thông qua các hình thức giảm phí, hạ mức khấu trừ, mở rộng điều kiện bảo hiểm vẫn không có dấu hiệu giảm bớt, đặc biệt là các nghiệp vụ bảo hiểm

hàng hoá xuất nhập khẩu, bảo hiểm cháy, bảo hiểm xây dựng - lắp đặt, bảo hiểm xe cơ giới. Xu hướng các dịch vụ "xấu", không đáp ứng được điều kiện chuyển tải ra nước ngoài, được các doanh nghiệp trong nước chia sẻ với nhau, ngày càng trở nên phổ biến.



Tình hình tổn thất trong năm 2009 tiếp tục diễn biến theo chiều hướng xấu hơn, đặc biệt là đối với các nghiệp vụ bảo hiểm tài sản, kỹ thuật, thân tàu. Bảo hiểm tài sản ghi nhận một năm có tỷ lệ tổn thất xấu nhất trong thời gian gần đây với nhiều vụ cháy lớn như: nhà máy giấy New Toyo, kho Hoa Việt, kho cà phê của công ty Thái Hoa Lâm, công ty dệt Hyosung, Bảo hiểm kỹ thuật cũng xảy ra nhiều vụ tổn thất lớn như nhà máy lọc dầu Dung Quất, các dự án thủy điện Huội Quảng, An Diem II, cảng Posco Đà Nẵng, ... do tình trạng tích tụ rủi ro sau một thời gian dài phát triển nóng.

Đặc biệt năm 2009 cũng là năm mà tình hình thiên tai bão lũ diễn ra hết sức phức tạp, trong đó 2 cơn bão gây thiệt hại nặng nề nhất cho ngành bảo hiểm là bão số 9 - Ketsana (cuối tháng 9) và bão số 11 - Miranae (cuối tháng 10).

Vấn đề thanh toán bằng ngoại tệ tiếp tục gặp khó khăn do sự chênh lệch giữa tỷ giá công bố của ngân hàng (thường là tỷ giá áp dụng để tính phí) và tỷ giá mua bán thực tế trên thị trường. Nguồn cung ngoại tệ để thanh toán phí tái bảo hiểm hoặc bồi thường bảo hiểm vẫn rất hạn chế.

Bảo hiểm nhân thọ

Mặc dù nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính - ngân hàng nói riêng có những thăng trầm, nhưng với các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thì đây vẫn là một năm tăng trưởng tốt. Đầu năm 2009, ngân hàng thương mại hạ thấp lãi suất tiết kiệm, thị trường bất động sản đóng băng, thị trường chứng khoán tiếp tục mất điểm, trong khi đó, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn thực hiện cam kết trả bảo tức cho khách hàng từ 5% - 8% trong suốt thời hạn hiệu lực hợp đồng. Điều này làm cho người dân thấy được ý nghĩa tác dụng của bảo hiểm nhân thọ trong thời kỳ khủng hoảng.

Các doanh nghiệp bảo hiểm đã đưa



ra thị trường nhiều sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của các tầng lớp dân cư: bảo hiểm nhân thọ truyền thống, bảo hiểm liên kết chung, bảo hiểm vi mô, bảo hiểm với số tiền bảo hiểm lớn, bảo hiểm với số tiền bảo hiểm thấp ... Đặc biệt, sản phẩm bảo hiểm Universal life đã thu hút được nhiều khách hàng trung lưu tham gia bảo hiểm.

Những nhân tố trên đã thúc đẩy bảo hiểm nhân thọ vượt qua khó khăn suy thoái kinh tế toàn cầu và tiếp tục phát triển. Tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường nhân thọ năm 2009 đạt 11.857 tỉ đồng, tăng 15%. Dẫn đầu là Prudential 4.730 tỉ đồng, Bảo Việt 3.718 tỉ đồng, Manulife 1.257 tỉ đồng. Tổng số hợp đồng còn hiệu lực là 4.259.766 hợp đồng bảo hiểm sản phẩm chính.

Các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đã tích cực mở rộng mạng lưới kinh doanh: Korea Life Việt Nam đã thiết lập hệ thống văn phòng kinh doanh trên toàn quốc vào cuối năm 2009, Dai-ichi Life đã phát triển tới hơn 50 văn phòng phủ khắp các địa phương lớn trên toàn quốc.

Trên thực tế, dù có những chiến lược và cách tiếp thị hình ảnh của riêng mình trên thị trường và trong mắt khách hàng, nhưng có một

điểm chung mà các công ty bảo hiểm nhân thọ đều muốn hướng tới, đó là cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Chính vì vậy, năm 2010 được nhận định là năm mà các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đẩy mạnh việc hoàn thiện hệ thống, dịch vụ khách hàng với những tiêu chuẩn tốt nhất. Ngoài ra, năm 2010 sẽ là năm bùng nổ nhiều sản phẩm nhân thọ mới.

Kênh phân phối bancassurance

Trong năm vừa qua, nhiều công ty bảo hiểm đã quan tâm đến việc triển khai cung cấp sản phẩm bảo hiểm thông qua kênh ngân hàng (bancassurance), đặc biệt là đối với dòng sản phẩm dành cho nhóm khách hàng vay cá nhân. Các công ty bảo hiểm nhân thọ là những người đi đầu trong việc phát triển kênh phân phối này, trong đó phải kể đến Prudential, Prevoir,... đã thiết lập quan hệ với nhiều ngân





hàng lớn trong nước. Một số công ty bảo hiểm phi nhân thọ cũng đã triển khai theo hướng này như Bảo Việt, BIC, Liberty,...

So với sự phát triển mạnh mẽ của bancassurance trên thế giới, ở Việt Nam, đây vẫn chỉ được đánh giá là một kênh bán hàng có nhiều cơ hội, dù đa số doanh nghiệp bảo hiểm đều nhìn thấy tiềm năng to lớn của nó. Không thể phủ nhận một số hiệu quả ban đầu của kênh bán hàng này, đặc biệt đối với những doanh nghiệp bảo hiểm có sự hỗ trợ của ngân hàng mẹ. Tuy nhiên, những doanh nghiệp bảo hiểm khác vẫn có những băn

khảo, vì không phải nhân viên ngân hàng nào cũng nhiệt tình tư vấn cho bảo hiểm. Thoả thuận bán hàng qua kênh này đã được lãnh đạo ngân hàng thông qua, nhưng thực tế không có chế tài nào ràng buộc nhân viên ngân hàng phải tư vấn được bao nhiêu sản phẩm bảo hiểm.

Theo dự đoán của các chuyên gia kinh tế, trong năm 2010 và các năm tới, bán bảo hiểm qua kênh ngân hàng sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức cao so với kênh truyền thống như đại lý, môi giới, trực tiếp.

Dự báo tình hình thị trường 2010

Với chỉ tiêu tăng trưởng GDP của chính phủ dự kiến đạt 6,5%, nguồn vốn FDI dự kiến tăng 10% và nguồn viện trợ ODA cam kết ở mức kỷ lục từ trước đến nay 8 tỷ USD, nhu cầu đầu tư phát triển của toàn xã hội cũng sẽ tăng trưởng ở mức tương đối. Phát triển cơ sở hạ tầng, doanh nghiệp tư nhân mới thành lập hoặc mở rộng, ngành nghề mới phát triển, giao thông vận tải tăng là những yếu tố phát triển của thị trường bảo hiểm. Đồng thời, các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ phát triển nhiều sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế xã hội như bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm vi mô, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm. Ngoài ra, khi thị trường chứng khoán, bất động sản phát triển ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi để sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung và liên kết đơn vị phát triển. Dự báo thị trường phi nhân thọ sẽ duy trì mức tăng trưởng trên 20%, thị trường nhân thọ trên 10%.

Để giải quyết bài toán tăng trưởng, các doanh nghiệp bảo hiểm cần chú trọng mở rộng khai thác các sản phẩm bảo hiểm, vì những loại hình bảo hiểm truyền thống đang có sự cạnh tranh rất khốc liệt. Cần tăng cường quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro. ■



Vinare

nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua hợp tác chiến lược



Năm 2009 là năm kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do khủng hoảng tài chính toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra trong nước. Mặc dù vậy, thị trường bảo hiểm, đặc biệt là bảo hiểm phi nhân thọ, vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối cao là 21%.

Trong bối cảnh đó, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE) đã có nhiều nỗ lực để phát huy những ưu thế về tiềm lực tài chính và hạn chế những khó khăn khách quan, hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch đã được Hội đồng quản trị giao.

Kết quả hợp tác chiến lược giữa Swiss Re và Vinare với các mục tiêu, chương trình hành động cụ thể đã bước đầu tạo điều kiện từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của Vinare trên thị trường trong nước và khu vực.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 1.114 tỷ VND, tăng 8% so với kế hoạch và tăng 2,39% so với năm 2008. Mặc dù có tác động tích cực do thị trường phi nhân thọ vẫn duy trì được mức tăng trưởng tương đối cao, song trong năm 2009, VINARE bị sụt giảm mạnh doanh số của dịch vụ bảo hiểm hàng không (giảm 156 tỷ VND so với năm 2008) vì chỉ thu xếp phần giữ lại của VINARE và các công ty bảo hiểm trong nước và giảm doanh số sản phẩm bảo hiểm vệ tinh.

Tổng công ty đã tăng cường hợp tác với các công ty bảo hiểm gốc trên cơ sở trao đổi dịch vụ đôi bên cùng có lợi và tôn trọng cam kết với các cổ đông sáng lập về trao đổi dịch vụ.

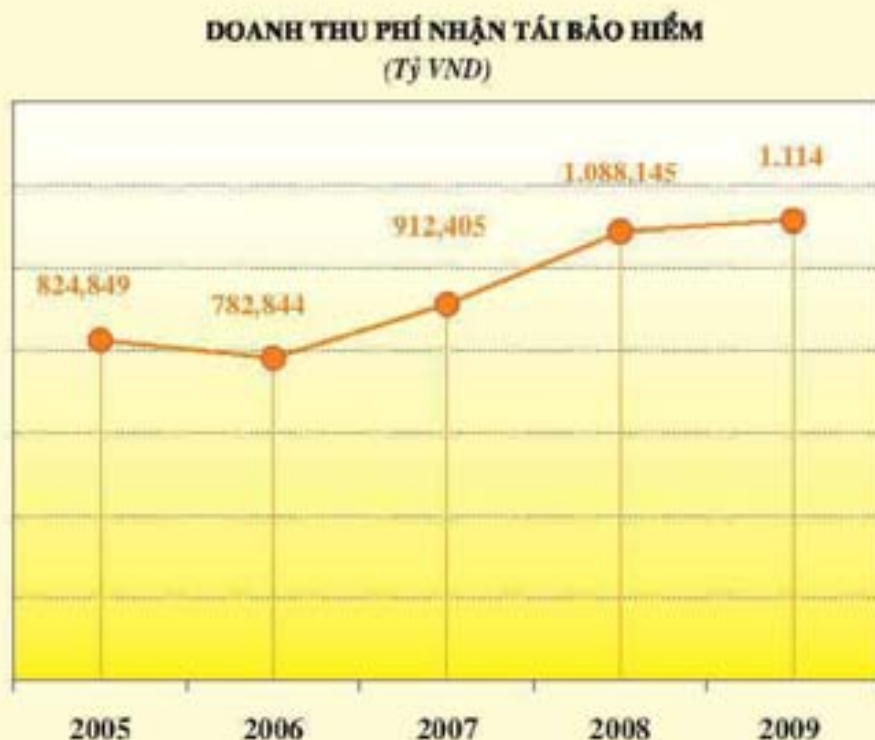


VINARE đã tiếp tục phát huy vai trò tư vấn cho các công ty bảo hiểm gốc toàn diện trong tất cả các lĩnh vực: thu xếp nhận/nhượng dịch vụ có tính cạnh tranh quốc tế đảm bảo quyền lợi của khách hàng, của công ty gốc, cung cấp thông tin, khai thác, đánh giá/quản lý rủi ro, giải quyết bồi thường, để phòng hạn chế tổn thất. VINARE đã trở thành người đứng đầu nhận tái bảo hiểm trong một số dịch vụ.

Trước tình hình tổn thất của thị trường ngày càng có xu hướng tăng cao, VINARE đã tăng cường kiểm soát rủi ro nhận tái bảo hiểm, từ chối nhận nhiều dịch vụ có giá phí và các điều kiện bảo hiểm không phù hợp nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả kinh doanh trong điều kiện phải cạnh tranh thu xếp tái bảo hiểm với các nhà tái bảo hiểm nước ngoài.

Với việc tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường khu vực, lượng phí nhận từ thị trường nước ngoài đã tăng gần 22 tỷ VND so với năm trước, đạt 54 tỷ VND.

Phí giữ lại của Tổng công ty đạt 338 tỷ VND, tăng 8% so với năm trước. Trong năm 2009 VINARE không có sự điều chỉnh lớn đối với mức giữ lại của các nghiệp vụ. Bồi



thường thuộc trách nhiệm giữ lại trong năm tài chính 2009 tăng 5,7% và cao hơn dự kiến kế hoạch do tình trạng cạnh tranh gay gắt trên thị trường bảo hiểm gốc dẫn tới hiện tượng phí giảm, điều kiện bảo hiểm mở rộng, công tác giám định trước khi cấp đơn của công ty bảo hiểm gốc chưa được chú trọng. Đặc biệt là trong năm 2009 thị trường bảo hiểm chịu ảnh hưởng nặng nề của 2 cơn bão là Ketsana và Mirannea, gây nhiều tổn thất về

tài sản và kỹ thuật.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư năm 2009 đạt 224,5 tỷ VND, tăng 5,93% so với năm trước. Hoạt động đầu tư tập trung chủ yếu vào lĩnh vực tiền gửi và trái phiếu chính phủ, đảm bảo an toàn, không có thất thoát hoặc công nợ khó đòi.

Tổng lợi tức trước thuế năm 2009 đạt 232,7 tỷ VND, tăng 13% so với năm trước.

BẢO HIỂM - TÁI BẢO HIỂM VIỆT NAM

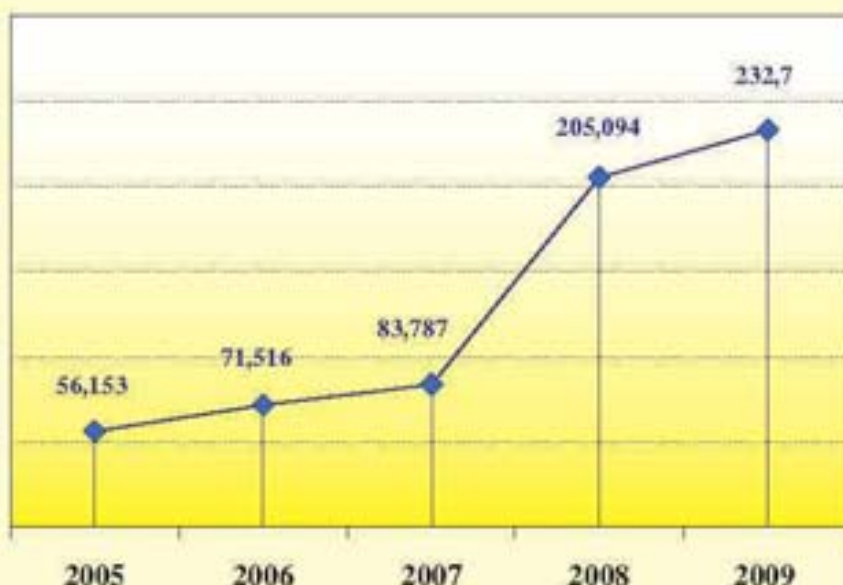
Kế hoạch kinh doanh 2010

Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2010 được nhận định tiếp tục khó khăn trong bối cảnh được đánh giá vừa vượt qua khủng hoảng, suy thoái. Tốc độ tăng trưởng GDP dự kiến đạt khoảng 6,5%. Theo dự báo của Cục Giám sát và Quản lý Bảo hiểm, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng trên 20%. Trong đó, khối lượng dịch vụ có tái bảo hiểm chỉ tăng trưởng khoảng 12 - 15%. Thị trường vẫn tiếp tục cạnh tranh quyết liệt ở tất cả các dịch vụ bảo hiểm, tái bảo hiểm.

Trong bối cảnh đó, Tổng công ty đặt chỉ tiêu doanh thu phí nhận năm 2010 là 1.120 tỷ VND; tiếp tục thực hiện chủ trương không chạy theo doanh thu, kiểm soát chặt chẽ dịch vụ nhận tái bảo hiểm, thận trọng trong thu xếp nhượng tái bảo hiểm, đảm bảo an toàn - hiệu quả kinh doanh.

Trong lĩnh vực đầu tư, tiếp tục thực hiện chủ trương An toàn - Hiệu quả - Phát triển bền vững trên cơ sở thiết lập danh mục đầu tư an toàn, bền vững, hiệu quả sinh lời cao. Doanh thu hoạt động đầu tư dự kiến đạt 231 tỷ VND, tăng 5,6% so với năm 2009. Lợi tức trước thuế dự kiến đạt 245 tỷ VND với mức tăng 5% so với năm trước và tỷ lệ chia cổ tức dự kiến là 18%.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(Tỷ VND)



Để đạt được các mục tiêu trên, VINARE sẽ tiếp tục triển khai và từng bước thực hiện các mục tiêu hợp tác kỹ thuật đã ký kết giữa VINARE và Swiss Re trong các lĩnh vực như nâng cao khả năng cung cấp sản phẩm, nâng cao năng lực quản lý, củng cố tiềm lực tài chính và năng lực bảo hiểm, xây dựng hệ thống IT hiện đại và nâng cao năng lực đầu tư. Mặt khác Tổng công ty sẽ tiếp tục tư vấn, hỗ trợ và ưu tiên chương trình tái bảo hiểm đối với các công ty mới thành lập trên thị trường nhằm phát triển nguồn khách hàng cung cấp dịch vụ cho VINARE.

Chiến lược phát triển 2010 - 2015 và đến 2020

Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam hiện là doanh nghiệp chuyên tái bảo hiểm duy nhất trên thị trường bảo hiểm Việt Nam, trung tâm trao đổi dịch vụ của thị trường trong nước, và nằm trong Top 500 doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam. Với trên 15 năm hoạt động, VINARE đã khẳng định được vị trí trên thị trường bảo hiểm - tái bảo hiểm quốc tế với mạng lưới quan hệ trao đổi dịch vụ, thông tin, công nghệ ... rộng khắp toàn cầu với các nhà bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm lớn và uy tín. Trong quá trình hoạt động, VINARE đã xây dựng nền móng hoạt động đầu tư theo hướng an toàn, phát triển bền vững và hỗ trợ đắc lực cho kinh doanh chính. Tổng công ty có mô hình tổ chức mạng lưới gọn nhẹ, dễ thích ứng và tiết kiệm chi phí, đội ngũ được đào tạo bài bản và có kinh nghiệm. Văn hoá kinh doanh và doanh nghiệp của VINARE tạo ra những giá trị giúp VINARE trở thành đối tác lâu dài và tin cậy của thị trường bảo hiểm.

Về môi trường hoạt động trong thời gian tới, Tổng công ty nhận định kinh tế - xã hội Việt Nam tiếp

tục phát triển, nền chính trị ổn định tạo tiền đề và các cơ hội phát triển. Thị trường bảo hiểm tiếp tục được sự quan tâm của các nhà đầu tư do tiềm năng chưa được khai thác còn lớn và tiếp tục phát triển trên cả lĩnh vực nhân thọ và phi nhân thọ. Môi trường đầu tư vẫn là điểm đến hứa hẹn, và được sự quan tâm lớn cho các nhà đầu tư trong hiện tại và tương lai. Hệ thống pháp lý kinh doanh bảo hiểm ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện định hướng và kiểm soát thị trường phát triển lành mạnh, bền vững.

Tuy vậy, thị trường bảo hiểm cũng phải đối mặt với tình trạng cạnh tranh quyết liệt giữa các công ty bảo hiểm, tổn thất và khai thác dịch vụ có chiều hướng gia tăng trong điều kiện thu nhập phí giảm. Vấn đề quản lý, quản trị, kiểm soát và đánh giá rủi ro còn có những bất cập nhất định. Hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ thấp, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của nhà nhận tái bảo hiểm.

Từ những đánh giá trên, Tổng công ty xác định mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2010 - 2015 và đến 2020 như sau:

- Trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam và khu vực; nhà đầu tư chuyên nghiệp.

- Trung tâm trao đổi dịch vụ tái bảo hiểm của thị trường. Cung cấp cho khách hàng các dịch vụ gia tăng giá trị với sự đảm bảo cần thiết trên cơ sở phát huy giá trị cốt lõi của Tổng công ty.

- Tập trung vào khả năng sinh lời và tối ưu hoá lợi tức, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.

- Một doanh nghiệp có trách nhiệm cộng đồng.

Để thực hiện mục tiêu chiến lược này, Tổng công ty xác định giải pháp lớn và xuyên suốt là phát huy giá trị cốt lõi và trung thành với nhiệm vụ chiến lược. VINARE sẽ tập trung vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo ra sự khác biệt với đối thủ cạnh tranh bằng chất lượng và uy tín phục vụ khách hàng với năng lực vượt trội.

Tổng công ty cũng đã đề ra giải pháp thực hiện trong các lĩnh vực như: tổ chức bộ máy, phát triển nguồn lực, kinh doanh tái bảo hiểm, quản trị vốn, hoạt động đầu tư, công nghệ thông tin, phát triển thương hiệu và văn hoá doanh nghiệp.



TỔNG KẾT **Nghịệp vụ kỹ thuật**

Nguyễn Thị Hiền Lương
Trưởng phòng TBH Kỹ thuật
VINARE

2009



Tình hình thị trường bảo hiểm thế giới và khu vực năm 2009:

Hậu quả của khủng hoảng kinh tế toàn cầu từ năm 2008 gây ra những khó khăn cho bảo hiểm kỹ thuật năm 2009 vừa qua. Thị trường tín dụng ảm đạm tiếp tục ảnh hưởng tới nhiều dự án, gây ra sự đình trệ hoặc thậm chí hủy hoàn toàn. Xu hướng thắt chặt tín dụng cũng làm suy yếu thị trường xây dựng nhà ở và ảnh hưởng nhiều đến các thị trường thương mại khác như xây khu vui chơi, văn phòng, bán lẻ và bệnh viện... Hệ quả là số lượng các công trình xây dựng bị giảm sút đồng nghĩa với việc gia tăng cạnh tranh ở mọi lĩnh vực và các nhà thầu xây dựng càng có ít cơ hội tham gia. Tình hình tài chính của các doanh nghiệp xây dựng ngày càng khó khăn. Việc buộc phải từ chối tiếp tục các đơn hàng chưa thực hiện được chắc chắn gây ra việc sập nhập hoặc thậm chí phá sản các doanh nghiệp này.

Mặc dầu vẫn có một số vụ tổn thất trong thời gian qua song năm 2009 được đánh giá là năm tương đối yên ả đối với nghiệp vụ kỹ thuật. Quý 4/2009 đã xuất hiện dòng vốn bổ sung vào thị trường và hệ quả là khách hàng bảo hiểm và các công ty môi giới vẫn kỳ vọng tỷ lệ phí của nghiệp vụ kỹ thuật tiếp tục giảm trong năm 2010. Năng lực bổ sung này bắt nguồn từ thị trường nội địa của Mỹ và Anh. Tỷ lệ phí vẫn giảm, đặc biệt với những đơn

không có tổn thất do xu hướng cạnh tranh ngày càng cao. Đối với những rủi ro quy mô vừa và nhỏ (cần ít năng lực bảo hiểm/tái bảo hiểm) thì tính cạnh tranh còn khốc liệt hơn nữa.

Có thể nói năng lực bảo hiểm trong bảo hiểm kỹ thuật, nhất là đối với phần xây dựng là dư thừa tại thời điểm này. Nhân tố góp phần tạo nên thị trường thuận lợi cho người mua này là những công ty bảo hiểm quy mô vừa/nhỏ tại các vùng rất "xông xáo" bước vào các thị trường mới với chính sách phí bảo hiểm vô cùng cạnh tranh. Trong nửa đầu năm 2009 một số công ty bảo hiểm đã dự đoán xu hướng thị trường thuận lợi hơn cho người bán và do vậy đã bị mất dịch vụ do chính sách tăng phí bảo hiểm. Đồng thời với việc năng lực nhận tái bảo hiểm đang được dân trải như hiện nay chúng ta không kỳ vọng thị trường có xu hướng thuận lợi cho người bán trong tương lai gần.

Năm vừa qua gói kích thích tăng trưởng kinh tế của các chính phủ là điểm sáng duy nhất cho bảo hiểm kỹ thuật. Sau đây là ví dụ của nước Mỹ về việc đầu tư của chính phủ trong gói kích cầu đối với một số lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế như: Giao thông vận tải (49,3 tỷ USD), năng lượng (30,6 tỷ USD), cao ốc (13,4 tỷ USD), nước sạch và môi trường (20,1 tỷ USD), nhà ở (9,6 tỷ USD)... Tuy nhiên rất nhiều người cho rằng gói kích thích tăng trưởng của chính phủ không đủ lớn để ngăn chặn đà suy giảm đã lan rộng. Trong khi các khoản đầu tư của chính phủ có thể trợ giúp tăng trưởng các công trình hạ tầng, năng lượng, điện và y tế thì ngành xây dựng các cao ốc thương mại tiếp tục giảm sút đáng kể. Một vấn đề quan trọng khác là các nguồn vốn thuộc gói kích thích tăng trưởng không được giải ngân kịp thời.

Xu hướng tư nhân hóa các công trình công cộng ở Mỹ vẫn đang được tiến hành xong các thể lực chính trị cùng với môi trường tin



dụng hiện nay đang làm cho các dự án trên ngày càng khó thực hiện đúng tiến độ.

Trong thời gian qua năng lực được coi là lĩnh vực tăng trưởng chủ yếu tại khu vực châu Á và do đó các công ty tập trung nguồn lực đặc biệt vào việc mở rộng danh mục rủi ro của họ. Về tổng thể trong hơn 12 tháng qua thị trường bảo hiểm hòa vốn trong loại hình rủi ro này. Con số tổn thất về năng lượng của toàn cầu ước tính khoảng 1,5 tỷ USD so với số phí thu được khoảng 1,7 tỷ USD. Tại châu Á, số tổn thất trong khu vực ước tính 200 triệu USD so với lượng phí thu được vào khoảng 250 triệu USD trong điều kiện thị trường có xu hướng thuận lợi hơn

cho người mua bảo hiểm.

Tình hình thị trường bảo hiểm kỹ thuật tại Việt Nam:

Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài (FIA), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến hết ngày 15/12/2009, có tổng cộng 839 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài mới được triển khai tại Việt Nam với tổng số vốn đăng ký là 21,48 tỷ USD và con số giải ngân thực tế trên 10 tỷ USD. Tính chung trong vòng 20 năm thực hiện chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tổng lượng vốn FDI chảy vào nền kinh tế đạt 177,1 tỷ USD. So sánh với cùng kỳ 2008, lượng vốn FDI đăng ký trong năm 2009 chỉ bằng 30%, do tác động của cuộc suy

Tình hình khai thác nghiệp vụ bảo hiểm kỹ thuật:

Hệ quả của khủng hoảng kinh tế trong nước và khu vực từ thời gian trước đã ảnh hưởng rõ rệt hơn bao giờ hết đến kết quả kinh doanh của nghiệp vụ kỹ thuật toàn thị trường năm 2009. Những biểu hiện rõ rệt nhất của việc suy giảm thị trường BHKT thể hiện:

- * Số lượng dự án lớn và mới giảm so với năm 2008. Theo thống kê của Vina Re đến thời điểm này số lượng dự án lớn (trên 50 triệu USD) chỉ bằng 72% so với cùng kỳ 2008 trong đó có đến 1/3 là những dự án đã khởi động từ các năm trước chuyển sang.

- * Số lượng các đơn bảo hiểm xin gia hạn (có thể thu thêm phí pro-rata hoặc thậm chí không thu thêm phí) ngày càng nhiều (do chủ đầu tư, chủ thầu không đủ kinh phí để tiếp tục thực hiện công việc). Đây cũng là dấu hiệu của sự suy giảm của thị trường bảo hiểm khi những dự án mới không có khả năng triển khai và việc các nguồn vốn đầu tư bị cắt giảm hoặc trì hoãn làm cho thời hạn bảo hiểm của những dự án cũ đều phải yêu cầu kéo dài.

- * Xin gia hạn các kỳ thanh toán phí bảo hiểm

- * Hoàn phí, hủy hợp đồng, giảm giá trị bảo hiểm

- * Cũng do khó khăn về tài chính nên một số khách hàng bảo hiểm đã không thông báo hoặc không đàm phán được với công ty bảo hiểm về giai đoạn mở rộng nên khi tổn thất xảy ra trong giai đoạn mở rộng thì việc thu hồi bồi thường và việc đàm phán điều kiện bảo hiểm trở nên phức tạp hơn nhiều...

- Mức độ cạnh tranh giữa các công ty bảo hiểm vẫn diễn ra song độ quyết liệt cũng có chiều hướng giảm do:

- * Tình hình thị trường khó khăn, đặc biệt là thị trường TBH của khu



vực và trong nước không còn trợ giúp mạnh cho các công ty trong việc khai thác các rủi ro có điều kiện bảo hiểm xấu và hoặc các công ty không dám khai thác ầu những rủi ro bảo hiểm phức tạp và/hoặc rủi ro công nghệ cao.

- * Các công ty bảo hiểm cũng phần nào ý thức được mức độ rủi ro về hiệu quả khai thác trong việc đưa ra điều kiện bảo hiểm quá xấu

- * Tình hình tổn thất của thị trường có xu hướng ngày càng phức tạp và khó lường

- Tuy nhiên năm 2009, lượng giải ngân xây dựng cơ bản đạt cao nhất từ trước đến nay đã giúp một số dự án giao thông được khởi công trong ngay từ quý 1/2009 như 03 gói của đường cao tốc Hà Nội-Hải Phòng, đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai và một số công trình cầu như Nhật Tân, Phú Đồng...

- Một số công ty bảo hiểm lớn (có thị phần lớn về nghiệp vụ kỹ thuật) trong thị trường đã thay đổi chính sách khi đẩy mạnh khai thác các đơn bảo hiểm có giá trị vừa và nhỏ của các địa phương để tự giảm áp lực trong việc cạnh tranh "khốc liệt" của những dự án lớn, rủi ro của việc trì hoãn hoặc hủy các đơn

này sẽ giảm đi...

- Số liệu doanh thu BHKT (qua thống kê của Vina Re) của toàn thị trường năm 2009 ước đạt 1140 tỷ VND, tăng khoảng 14% so với doanh thu 2008. Tốc độ tăng trưởng của doanh thu phí của thị trường năm 2009/2008 bằng 85% so với tốc độ tăng trưởng 2008/2007. Một số công ty mới và hoặc quy mô nhỏ hoạt động trong thị trường có mức tăng trưởng lớn (khoảng 30%) do xuất phát điểm của họ thấp, đa phần các công ty đều không tăng trưởng mạnh như những năm trước chủ yếu do tình hình kinh tế khó khăn trong thời gian qua.

- Loại đơn bảo hiểm tái tục hàng năm mới như đơn CMI đã bắt đầu được các công ty gốc triển khai cấp cho khách hàng. Tuy nhiên việc đánh giá rủi ro, kinh nghiệm khai thác của thị trường trong nước vẫn còn hạn chế đồng thời CMI thường áp dụng cho các công trình lớn nên trong giai đoạn này chúng ta vẫn phải phụ thuộc nhiều vào các công ty bảo hiểm/tái bảo hiểm nước ngoài về điều kiện/điều khoản.

- Về phương diện tái bảo hiểm, năng lực nhận rủi ro từ các công ty nói chung đều tăng do quy định

BẢO HIỂM - TÁI BẢO HIỂM VIỆT NAM

thoái kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, mức giải ngân thực tế lại tương đương 87% con số của 2008. Theo đánh giá của các chuyên gia, con số này khá tích cực bởi nó cho thấy sự rút ngắn đáng kể khoảng cách giữa cam kết và hành động của các nhà đầu tư.

Năm 2009 cũng ghi nhận sự sụt giảm đáng kể của số lượng quốc gia và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Trong năm qua, chỉ có 43 trong số 89

quốc gia và vùng lãnh thổ từng đầu tư vào Việt Nam tiếp tục có dự án mới. Mỹ tiếp tục dẫn đầu về số dự án và tổng vốn đầu tư, theo sau đó là Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật và Singapore. Với tổng lượng vốn đầu tư nước ngoài đạt 27,2 tỷ USD trong vòng 3 năm qua, TP HCM tiếp tục dẫn đầu về khả năng thu hút FDI. Các địa phương khác như Hà Nội, Đồng Nai, Bình Dương... cũng thu được kết quả khả quan. Bất chấp những khó khăn của năm 2009,

lượng đầu tư vào các khu vực sản xuất mặt hàng thiết yếu như nông nghiệp, dược phẩm và dịch vụ vẫn vẫn tăng trưởng khá.

Theo đánh giá của các chuyên gia, cản trở lớn nhất đối với việc thu hút vốn FDI hiện nay là cơ sở hạ tầng và hành lang pháp lý. Nếu xử lý tốt vấn đề này, Việt Nam có khả năng nhận được 22 - 25 tỷ USD vốn đăng ký trong năm 2010. Số tiền giải ngân thực tế có thể đạt khoảng 11 tỷ USD

Vốn FDI vào Việt Nam trong giai đoạn 2006-2010 (tỷ USD) do FIA cung cấp:

Năm	FDI đăng ký	FDI giải ngân
2006	12	4
2007	21,3	8
2008	71,7	11,5
2009	21,48	10
2010* (dự kiến)	22 - 25	11

Nhật Bản đã chính thức ký công hàm nối lại vốn vay ODA cho Việt Nam vào 14h 31/3/2009 sau thời gian bị tạm dừng năm 2008 để điều tra vụ PCI. Ước tính tổng vốn vay ODA từ Nhật Bản năm 2009 sẽ đạt con số lớn nhất từ trước đến nay đạt 183 tỷ yên, tương đương với 2 tỷ USD. Các dự án mà Nhật Bản tài trợ bao quát nhiều lĩnh vực, từ phát triển điện năng, đến cơ sở hạ tầng và phát triển năng lượng hiệu quả. "Đây sẽ là con số viện trợ phát triển chính thức lớn nhất từ trước đến nay, tăng đáng kể so với khoảng 100 tỷ yên cam kết một năm trước", ông Tsuno Motonori, Trưởng đại diện Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tại Việt Nam phát biểu. Số tiền này sẽ tiếp tục tập trung chủ yếu cho các dự án cơ sở hạ tầng và mở rộng thêm cho các dự án môi trường. Kể từ khi nối lại viện trợ cho Việt Nam vào năm 1992 đến nay, Nhật Bản luôn là nhà tài trợ lớn nhất cho

Việt Nam. Tính cả 64,9 tỷ yên mới được ký công hàm, tổng cam kết ODA của Chính phủ Nhật Bản dành cho Việt Nam trong 18 năm qua đạt 1.542 tỷ yên.

Bộ GTVT Việt Nam kiên quyết loại bỏ, thay thế nhà thầu yếu kém. Theo báo cáo của Vụ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ GTVT, năm 2009, nhu cầu giải ngân đối với các dự án do Bộ GTVT quản lý rất lớn, dự kiến 25.365 tỉ VND. Đây là kế hoạch giải ngân lớn nhất từ trước đến nay. Trong đó, các dự án ODA là 4.865 tỉ VND, các dự án trái phiếu chính phủ 10.000 tỉ VND, các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước 3.500 tỉ VND, các dự án huy động nguồn ngân sách là trên 7.000 tỉ VND. Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế, các nhà thầu trong toàn quốc chịu chung cảnh kinh tế suy thoái, thì khối lượng giải ngân khổng lồ nêu trên vừa là "cơ hội" nhưng cũng đồng thời là "nguy cơ". Bởi khi kinh tế suy

giảm, có được thị trường nguồn việc dồi dào là điều vô cùng may mắn; nhưng nếu những cơ thể nhà thầu đang quá ốm yếu sẽ dẫn đến khả năng "bội thực" không hoàn thành nổi kế hoạch giải ngân, dẫn đến lãng phí trong đầu tư và XDCEB. Chưa kể môi trường cơ chế vẫn còn nhiều bất cập, gây khó cho nhà thầu.

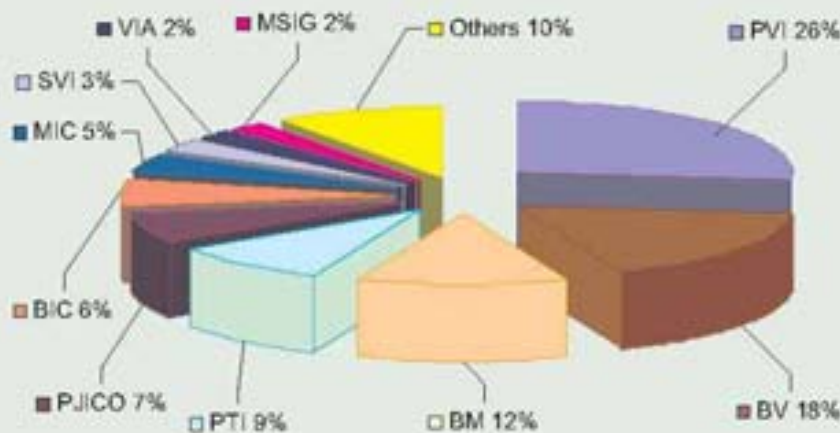
Đồng hành cùng sự phát triển và hội nhập của nền kinh tế, bảo hiểm kỹ thuật ở Việt Nam ngày càng phải đổi mới với việc bảo hiểm nhiều rủi ro phức tạp, công nghệ cao. Thời gian qua chúng ta đã thấy xuất hiện các đơn bảo hiểm các công trình ngầm, cầu cảng, các nhà máy sử dụng công nghệ cao. Trong tương lai gần, hàng loạt các rủi ro mới như xây tàu điện ngầm, tàu điện trên cao tại các thành phố lớn, xây bãi đỗ xe ngầm... sẽ đưa ra nhiều cơ hội và thách thức đối với những người làm bảo hiểm kỹ thuật tại Việt Nam.

chặt chẽ của Bộ Tài Chính về vốn điều lệ của công ty bảo hiểm cũng như nhờ khả năng tài chính vững mạnh/kinh nghiệm hoạt động đã tích lũy được của các công ty qua một thời gian hoạt động. Chương trình TBH của các công ty, do vậy cũng được thay đổi theo hướng tối đa hóa lợi nhuận cho mình. Tuy nhiên kết quả chính xác của việc

thay đổi chương trình TBH, đặc biệt đối với nghiệp vụ "dài hơi" như xây dựng/lắp đặt sẽ chỉ thấy được rõ sau 4 đến 5 năm hoặc lâu hơn nữa. Đứng trên quan điểm của công ty TBH thì với bức tranh tổn thất hiện nay của thị trường cùng với việc cạnh tranh giảm phí, giảm mức miễn thường, mở rộng điều

kiện trong các đơn bảo hiểm gốc đặc biệt với những công ty bảo hiểm mới đi vào hoạt động từ 2-3 năm.. thì kết quả chính xác của các năm nghiệp vụ 2008, 2009 sẽ rất khó nói là "lãi". Do vậy quan điểm của công ty TBH là hết sức thận trọng khi đánh giá kết quả hợp đồng cố định của các công ty nhưng.

THỊ PHẦN CỦA CÁC CÔNG TY BẢO HIỂM GỐC TRONG NGHIỆP VỤ KỸ THUẬT năm tài chính 2009 (nguồn Vina Re)



Tình hình tổn thất của nghiệp vụ kỹ thuật:

Qua thực tiễn nhận TBH của Vinare cho thấy tình hình tổn thất trong thời gian qua có chiều hướng tăng lên. Tần suất và mức độ xảy ra tổn thất ngày càng cao (10 vụ tổn thất lớn trong 11 tháng của 2008 có tổng số tiền dự phòng chỉ bằng 65% so với 10 vụ tổn thất lớn cùng kỳ năm nay). Đồng thời bản chất cũng như nguyên nhân tổn thất phức tạp, khó phân định rạch ròi. Có thể thấy nguyên nhân của tình hình trên:

- Cùng với sự phát triển của nền kinh tế tích tụ rủi ro của thị trường bảo hiểm kỹ thuật ngày càng cao (sau 20 năm phát triển)

- Nhiều loại rủi ro phức tạp đòi hỏi công nghệ cao như xây đường hầm, đê ngăn biển, nhà máy lọc hóa dầu...bắt đầu được khai thác tại Việt Nam

- Điều kiện khí hậu của khu vực nói chung và Việt Nam nói riêng ngày càng phức tạp, khó lường; các trận bão lớn đã ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam ngày càng nhiều. Ketsana là cơn bão đầu tiên gây thiệt hại đáng kể cho nghiệp vụ BHKT tại Việt Nam với tổng số thiệt hại ước tính là 100 tỷ VND.

Số liệu tổn thất lớn năm 2009 cho thấy gần 50% số vụ tổn thất lớn của thị trường là do bão Ketsana gây ra. Đây là dấu hiệu bất bình thường vì trong quá khứ các tổn thất lớn của thị trường bảo hiểm đều là những tổn thất đơn vụ, chưa có tổn thất thảm họa.



Năm 2009, thị trường bảo hiểm kỹ thuật đã có một số vụ tổn thất lớn được thông báo tái bảo hiểm như sau:

đơn vị: USD

Tên dự án	Năm nghiệp vụ	Ngày xảy ra tổn thất	Tổng giá trị BH	Tổng tổn thất	Trích nhiệm Vinare	Nguyên nhân
DUNG QUAT REFINERY PROJECT	2006	Various	1,988,092,053	4,000,000	5,180	Nhiều vụ tổn thất, nguyên nhân đang được làm rõ
Thu Duc BOD - Siphon D1200 Pipeline	2009	24-7-09	2,850,380	892,857	96,040	Đang điều tra
HUOI QUANG HPP	2007	04-7-09	307,022,440	595,238	2,712	Mất a to gây lũ lụt lớn
O MON BTG POWER PLANT	2006	21-3-09	360,899,730	500,000	1,626	Đang điều tra
THUY DIEN SE SAN 4A	2008	28-9-09	50,946,306	416,667	23,160	Ketsana
ANDIEM II HPP	2006	03-9-09	15,055,066	1,895,415	138,488	Ketsana
Dak Ne HPP	2009	28-9-09	8,080,944	500,000	100,000	Ketsana
POSCO PORT DA NANG	2008	28-9-09	10,806,269	1,000,000	80,979	Ketsana
CONG TY CP TV XD PHU XUAN	2008	28-9-09	2,705,241	595,238	385,055	Ketsana
Nong son TPP	2008	28-9-09	28,548,000	785,000	48,120	Ketsana
HO HO HYDRO POWER	2006	29-9-09	12,849,363	416,667	83,333	Ketsana

Biểu đồ về tỷ lệ tổn thất của nghiệp vụ kỹ thuật từ UY2000-2008 (tính đến 31.12.2009)



Thị trường **BẢO HIỂM TÀI SẢN** Việt Nam 2009

Đào Mạnh D ơng
Phó phòng TBH Tài sản
VINARE

Tình hình thị trường bảo hiểm thế giới

Tính đến thời điểm hiện nay, nhìn chung 2009 có thể được xem là một năm tương đối tốt đẹp với thị trường bảo hiểm tài sản thế giới. Nền kinh tế toàn cầu đã bắt đầu có những dấu hiệu phục hồi, tình hình thiên tai tương đối ổn định so với năm 2008, đã có những tác động tích cực đến hoạt động của thị trường bảo hiểm. Phần lớn các công ty bảo hiểm và tái bảo hiểm lớn trên thế giới đều có kết quả kinh doanh khả quan trong 9 tháng đầu năm 2009 (lợi nhuận 9 tháng đầu năm của Scor Re đạt 278M Euro, Munich Re 1,8 tỷ Euro, Hannover Re đạt 578 triệu EUR. Riêng trong quý 3/2009, lợi nhuận ròng của Swiss Re đạt 334 triệu CHF (trong khi công ty này thua lỗ 304 triệu CHF vào thời điểm cùng kỳ năm 2008).

Nếu như 2008 là năm có những tổn thất thiên tai đặc biệt nghiêm trọng như cơn bão Ike, Gustav tại khu vực Bắc Mỹ, bão tuyết tại Trung Quốc hay Bắc Âu thì tính đến thời điểm hiện nay, năm 2009 được xem là một năm tương đối yên tĩnh nếu loại trừ những trận bão lớn và động đất tại khu vực Đông Nam Á (Philippines, Việt Nam, Indonesia) và một số đảo phía Tây Thái Bình Dương, cơn bão Klaus đổ bộ vào Pháp và Tây Ban Nha hồi tháng 1/2009...



Trước những tín hiệu khả quan trên, hầu hết các ý kiến đều cho rằng mặt bằng phí được thiết lập trong năm 2009 khó có thể tiếp tục được duy trì trong mùa tái tục 2009/2010. Có thể nhận định rằng, xu thế thị trường "soft" là kết quả tất yếu của sự hồi phục về vốn cũng như sự kỳ vọng về những kết quả khả quan trong hoạt động kinh doanh năm 2009 của hầu hết các nhà nhận tái bảo hiểm lớn và việc không có những tổn thất thiên tai lớn (đặc biệt là không có những tổn thất thiên tai lớn tại khu vực Bắc Mỹ). Trên thực tế, trong mùa tái tục vừa qua, xu thế này đã được thể hiện rõ rệt đối với các hợp đồng "free loss" tại các thị trường được xem là an toàn đối với các rủi ro thiên tai. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại vẫn còn khá sớm để đưa ra nhận định liệu đây có phải là một xu hướng chiếm ưu thế chủ đạo đối với thị trường bảo hiểm tài sản thế giới trong năm 2010.

Tình hình thị trường Việt nam.

Thị trường bảo hiểm tài sản Việt Nam tiếp tục có sự tăng trưởng ổn định trong năm 2009. Doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường ước đạt khoảng 1.170 tỷ VND, đạt mức tăng trưởng hơn 17% so với cùng kỳ năm ngoái.

Có thể nhìn nhận 2009 là một năm tăng trưởng đáng ghi nhận của thị trường bảo hiểm Việt Nam nói chung và bảo hiểm tài sản nói riêng trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế. Việc duy trì được tỷ lệ tăng trưởng ổn định trong nhiều năm liên tiếp của nghiệp vụ tài sản là một minh chứng rõ nét cho tiềm năng to lớn của nghiệp vụ này. Trong năm 2009 nhiều đơn bảo hiểm có giá trị lớn đã được khai thác như Samsung Electronics (giá trị bảo hiểm khoảng 165 triệu USD), nhà máy sản xuất thiết bị công nghiệp nặng Doosan (179 triệu USD), nhà máy điện Cà Mau 2 (354 triệu USD), tòa nhà Kumho Asians Plaza (275 triệu USD), Posco Vietnam (350 triệu USD), nhà máy điện Nhơn Trạch 1 (300



triệu USD)..... Năm 2010 được dự đoán sẽ là một năm tăng trưởng ấn tượng của thị trường bảo hiểm tài sản Việt Nam khi rất nhiều các dự án lớn sẽ được mua bảo hiểm như nhà máy lọc dầu Dung Quất, nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 1, nhà máy nhiệt điện Uông Bí, dây chuyền 2 nhà máy xi măng Nghi Sơn, tòa nhà Hanoi Grand Plaza..... Bên cạnh sự xuất hiện của nhiều dự án lớn thì những tác động tích cực của Nghị định 130 và Quyết định 28 về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc đã góp phần vào sự tăng trưởng ấn tượng về doanh thu phí của thị trường trong năm 2009. Mặc dù doanh thu phí cháy nổ bắt buộc cả năm 2009 mới chỉ ước đạt khoảng gần 170 tỷ VND, tuy nhiên con số này đã tăng hơn 3 lần so với năm 2007 (năm đầu tiên các quy định về cháy nổ bắt buộc của Chính phủ có hiệu lực) và quan trọng hơn nữa nó chứng tỏ được tầm ảnh hưởng ngày càng lớn của những văn bản này đối với sự phát triển của thị trường. Trong năm 2009 đã có rất nhiều các công trình lớn, đặc biệt là các công trình có vốn đầu tư của nhà nước, đã tham gia mua bảo hiểm cháy nổ, góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng doanh thu của thị trường Bảo hiểm Tài sản.

Tuy nhiên bên cạnh những thành

công về doanh thu thì năm 2009 đã khép lại mà không có nhiều biến chuyển tích cực được ghi nhận trong lĩnh vực khai thác. Mặc dù tỷ lệ phí bình quân không tiếp tục giảm sâu song tình trạng cạnh tranh vẫn tiếp tục diễn ra hết sức gay gắt, đặc biệt là đối với các dịch vụ lớn. Một thực trạng đáng lo ngại diễn ra trong hai năm trở lại đây là tình trạng cạnh tranh còn diễn ra rất gay gắt ngay cả đối với các rủi ro có nguy cơ tổn thất cao (giấy, da giấy, dệt may...). Tình trạng này thực ra đã bắt đầu nhen nhóm từ năm 2008 và thực sự trở nên đáng lo ngại trong năm 2009. Nhiều dịch vụ tỷ lệ phí đã xuống tới 0,04% và tỷ lệ phí trung bình cho nhóm ngành này hiện khoảng dưới 0,1%. Trong khi đó đây là nhóm ngành có tỷ lệ tổn thất cao nhất hiện nay, chiếm đến hơn 80% số vụ tổn thất trên thị trường. Mặc dù hầu hết các dịch vụ này đều không thể thu xếp tái bảo hiểm được trên thị trường quốc tế song các công ty bảo hiểm gốc vẫn tiếp tục cấp đơn thông qua hình thức đồng bảo hiểm (và thu xếp dịch vụ qua các hợp đồng cố định). Đây là một vấn đề đáng báo động cho sự phát triển lành mạnh của thị trường và sẽ tạo rất nhiều khó khăn và bất lợi cho chính các công ty bảo hiểm Việt Nam trong việc thương thảo điều kiện hợp đồng với các nhà tái bảo hiểm quốc tế.

Tình hình cạnh tranh gay gắt trong thời gian vừa qua lại một lần nữa đặt ra vấn đề về chất lượng rủi ro bảo hiểm trên thị trường hiện nay. Hiện nay gần như công tác giám định chất lượng rủi ro chỉ được các doanh nghiệp tiến hành đối với các rủi ro có giá trị bảo hiểm lớn (trừ một số doanh nghiệp bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài). Cần lưu ý rằng đa số các rủi ro trên thị trường hiện nay là thuộc loại vừa và nhỏ. Một loạt các vụ tổn thất trong những năm gần đây cũng cho thấy đây là các rủi ro tiềm ẩn nguy cơ tổn thất cao nhất (do chất lượng rủi ro, các trang thiết bị PCCC không hiệu quả, ngành nghề kinh doanh ...). Hệ quả của vấn đề trên là tình trạng điều kiện bảo hiểm, phí bảo hiểm được xây dựng mà không thực sự dựa trên bản chất của rủi ro và doanh nghiệp bảo hiểm cũng không có những thông tin cần thiết để đánh giá chính xác về việc chấp nhận hay từ chối cấp đơn bảo hiểm. Tình hình tổn thất của nghiệp vụ diễn biến theo chiều hướng ngày càng nghiêm trọng trong thời gian qua là một minh chứng rõ nhất cho việc buông lỏng quản lý của các công ty bảo hiểm Việt Nam.

Về phương diện tái bảo hiểm, thị trường bảo hiểm tài sản Việt Nam đã trải qua một mùa tái tục 2009/2010 đầy khó khăn. Phần lớn các hợp đồng cố định của các công ty bảo hiểm lớn trên thị trường đều không có kết quả khả quan trong năm 2009 với tỷ lệ tổn thất được xem là cao nhất từ trước đến nay. Hầu hết các hợp đồng cố định tài sản (cả tỷ lệ và phi tỷ lệ) đều chịu những sự điều chỉnh nhất định như tăng phí (với hợp đồng phi tỷ lệ),

giảm hoa hồng, giảm capacity hoặc thắt chặt hơn các điều kiện điều khoản (với các hợp đồng tỷ lệ). Trên thực tế, từ nhiều năm trở lại đây, trước tình hình cạnh tranh gay gắt và tỷ lệ tổn thất theo chiều hướng ngày càng gia tăng, các nhà nhận tái bảo hiểm quốc tế đã có một cái nhìn rất thận trọng về thị trường bảo hiểm tài sản Việt Nam. Nhiều công ty tái bảo hiểm đã dần hạn chế trong việc nhận các hợp đồng cố định từ thị trường và có thể xem xét rút khỏi thị trường nếu tình hình tiếp tục diễn biến theo chiều hướng xấu. Trong những năm vừa qua, thị trường tái bảo hiểm tài sản Việt Nam được tăng cường năng lực nhận tái bảo hiểm đáng kể nhờ sự cung cấp trách nhiệm hợp đồng của một số các nhà tái bảo hiểm quốc tế lớn mới thâm nhập thị trường (thông qua các điều kiện cạnh tranh, hoa hồng cao...). Tuy nhiên, ngay cả các công ty này cũng đã xiết chặt lại các điều kiện hợp đồng trong mùa tái tục vừa qua do những kết quả thua lỗ của hợp đồng.

Về tình hình tổn thất : tình hình cháy nổ trên cả nước tiếp tục diễn biến theo chiều hướng xấu trong năm 2009. Theo thống kê của Cục Cảnh sát PCCC, năm 2009 trên cả nước đã xảy ra 1.948 vụ cháy (trong đó có 1.677 vụ cháy các cơ sở kinh doanh và nhà dân, 271 vụ cháy rừng), làm 62 người chết, 145 người bị thương, gây thiệt hại ước tính hơn 500 tỷ VND, trong đó số các vụ cháy đặc biệt lớn lên đến 24 vụ. Các vụ cháy vẫn tập trung chủ yếu tại các địa phương có mật độ tập trung công nghiệp lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Bình

Dương, Đồng Nai...

Cùng với tình hình cháy nổ diễn biến phức tạp thì tổn thất về bảo hiểm trong năm 2009 cũng ở mức cao kỷ lục với hàng loạt các vụ cháy có số tiền thiệt hại lên đến hàng triệu USD như vụ cháy nhà máy giấy New Toyo (thiệt hại ước tính 6 triệu USD), vụ cháy kho hàng Hoa Việt (thiệt hại ước tính khoảng 3.8 triệu USD), vụ cháy nhà máy dệt Hyosung (thiệt hại ước tính 5 triệu USD)..... Ngay trong những ngày đầu năm 2010 cũng đã xảy ra nhiều vụ cháy lớn trong đó có những vụ đặc biệt nghiêm trọng như vụ cháy tại công ty dệt Samil Việt Nam (ngày 08/01/2010, ước thiệt hại khoảng 5 triệu USD), công ty gỗ Sơn Nam (ngày 21/01/2010, ước tổn thất khoảng 25 tỷ VND)...

Phần lớn số vụ cháy xảy ra vẫn là do các sự cố về điện. Tuy nhiên cũng cần lưu ý rằng, ý thức chấp hành các quy định về PCCC của doanh nghiệp, các trang thiết bị PCCC không được trang bị đầy đủ và hiệu quả, không đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.... cũng là những yếu tố góp phần làm tăng đột biến về số lượng cũng như mức độ nghiêm trọng của các vụ cháy trong năm 2009.

Có thể nói, bên cạnh những biện pháp của lực lượng PCCC trong việc nâng cao chất lượng công tác chữa cháy, hoàn thiện các phương án chữa cháy, cứu hộ thì việc hợp tác chặt chẽ giữa các công ty bảo hiểm gốc với khách hàng và các nhà nhận tái bảo hiểm trong việc xây dựng chương trình quản lý rủi ro, tư vấn cho khách hàng các biện

Một số vụ tổn thất lớn xảy ra trong năm 2009

No	Ng ời đ ọc bảo hiểm	Năm nghiệp vụ	Ngày tổn thất	Tổn thất ớc tính (100%) – USD
1	New Toyo Pulply	2009	20/02/2009	6.000.000
2	Kho hàng Hoa Việt	2008/2009	28/5/2009	3.848.254
3	CT Thai Hoa Lam Dong	2009	19/9/2009	1.500.000
4	Công ty TM Xuân An	2009	11/9/2009	1.000.000
5	Hyosung Vietnam	2009	19/11/2009	5.000.000
6	Công ty Shing Mark	2009	28/11/2009	1.800.000



pháp để phòng hạn chế tổn thất sẽ là những giải pháp góp phần làm hạn chế sự gia tăng mức độ tổn thất trên thị trường như trong thời gian vừa qua.

Bên cạnh xu hướng gia tăng của các tổn thất cháy thì tình hình tổn thất thiên tai cũng diễn ra đặc biệt nghiêm trọng trong năm 2009. Trong năm vừa qua đã có hàng loạt các cơn bão lớn ảnh hưởng đến nước ta gây thiệt hại kinh tế hàng chục nghìn tỷ VND, hàng trăm người chết và mất tích... trong đó có những cơn bão gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng như cơn bão số 9 (Ketsana) hay số 11 (Miranae)

Cơn bão số 9 (Ketsana) đổ bộ vào các tỉnh miền Trung vào cuối tháng 9/2009 đã gây ra thiệt hại hết sức nặng nề cho khu vực này. Cơn bão này đã ảnh hưởng đến 14 tỉnh thành phố, gây thiệt hại kinh tế hơn 14.000 tỷ VND, 163 người chết, 17 người mất tích. Cơn bão này được đánh giá là một trong những cơn bão mạnh nhất đổ vào các tỉnh miền Trung kể từ năm 1969 đến nay và đã gây ra tình trạng lụt lội nghiêm trọng nhất trong vòng 45 năm qua tại khu vực này. Ngay tiếp sau đó, trong những ngày cuối tháng 10 đầu tháng 11, các tỉnh

miền Trung nước ta lại phải tiếp tục hứng chịu tiếp những hậu quả nặng nề của trận bão số 11 (bão Miranae) với tổng thiệt hại ước tính lên đến hơn 5.000 tỷ VND, hơn 122 người chết, các công trình công cộng, nhà dân, mùa màng bị tàn phá và hư hỏng nặng nề.

Với thiệt hại từ hai cơn bão trên, có thể nói 2009 là một năm tổn thất nặng nề nhất về thiên tai đối với thị trường bảo hiểm tài sản Việt Nam. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, tổng tổn thất ước tính của hai cơn bão trên hiện đã lên đến khoảng gần 20 triệu USD, cao hơn gấp đôi so với tổn thất của hai cơn bão

Xangsane và Durian năm 2006. Hiện nay, Việt Nam được đánh giá là một trong những nước chịu những ảnh hưởng nặng nề nhất về biến đổi khí hậu và trên thực tế hàng năm nước ta luôn bị những thiệt hại nặng nề do mưa bão gây ra. Những tổn thất thiên tai dồn dập và với mức độ ngày càng nghiêm trọng trong những năm vừa qua đã thực sự đưa bảo hiểm rủi ro thiên tai trở thành một trong những vấn đề đáng lưu tâm hàng đầu của các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam. Tổn thất bảo hiểm từ hai cơn bão trên đã có tác động xấu đến kết quả kinh doanh nghiệp vụ của rất nhiều công ty bảo hiểm trong năm 2009. Bên cạnh đó, hầu như tất cả các hợp đồng bảo vệ (XOL) của các công ty lớn trên thị trường đều chịu ảnh hưởng từ sự kiện trên do vậy đã phải chịu những mức phí tăng đáng kể trong mùa tái tục vừa qua. Quan trọng hơn, nó làm thay đổi cái nhìn của các nhà nhận tái bảo hiểm quốc tế về rủi ro thiên tai ở Việt Nam. Cho đến trước năm 2006 mặc dù Việt Nam luôn được xem là một trong những nước có độ rủi ro cao về thiên tai song phí các hợp đồng bảo vệ cho rủi ro này lại rất thấp vì trên thực tế số tiền tổn thất mà các nhà nhận tái bảo hiểm phải trả là rất thấp. Tuy nhiên, những tổn thất bảo hiểm thiên tai trong năm 2006 (Xangsane, Durian), 2008 (trận lụt tại Hà Nội), 2009 (Ketsana, Miranae) đã góp phần làm tăng mạnh giá của các hợp đồng bảo vệ trên thị trường.



BẢO HIỂM

Trần Minh Tuấn
Trưởng phòng TBH Dầu khí
VINARE

Dầu khí 2009

**Tình hình thị trường bảo hiểm
năng lượng thế giới**

Diễn biến thị trường

Các nhà phân tích và thị trường toàn cầu đang ngóng chờ dấu hiệu phục hồi để “khởi động” nền kinh tế. Dựa vào dấu hiệu tích cực, chất xúc tác ban đầu cho các vấn đề, thị trường nhà ở Mỹ, giờ đây đang cho thấy những dấu hiệu phục hồi và thị trường chứng khoán Anh gần đây đã có kết quả tốt nhất trong 3 tháng kể từ khi bắt đầu ghi nhận chỉ số vào năm 1984. Ngược lại với điều này, đồng Đôla Mỹ đã mất giá và các nhà kinh doanh đang phải nương tựa vào vàng có giá đã lên cao tới mức kỷ lục trong tháng cuối năm 2009.

Trong khi đó, hội các nhà bảo hiểm, đã bị lỗ đầu tư và “đỉnh đòn” khá nặng vì các thảm họa (bão ở vịnh Mễhicô, ngập lụt hầm mỏ, xây dựng ngoài khơi) nhờ phương pháp tiếp cận bảo hiểm có kỷ luật thì giờ đây lại đang nhắm tới lãi nghiệp vụ thuần túy. Mặc dù các nhà bảo hiểm đã bị tổn thương do suy kiệt vốn, song bằng chứng trong 6 tháng gần đây chỉ rõ nguồn vốn vẫn sẵn có cho những người cần phải bổ sung quỹ dự trữ của họ, mặc dù với mức giá cao hơn.

Xem xét lại số liệu thống kê lịch sử về phí bảo hiểm và bồi thường cho thấy năm 2009 có thể đem lại lãi kỹ thuật về nghiệp vụ bảo hiểm cho các công ty bảo hiểm.



**Tồn thất năng lượng từ 1994 - 2009 so với
Doanh thu phí bảo hiểm năng lượng toàn cầu ước tính (USD)**



Nguồn: Energy Claims Database & Lloyd's

Năm 2009, năng lực bảo hiểm của thị trường bảo hiểm thương mại thế giới đối với hoạt động dầu khí phần thượng nguồn (Upstream) tăng khoảng 5% so với năm trước, đạt hơn 3,5 tỷ USD và đủ để đáp ứng mức cầu của ngành năng lượng phần thượng nguồn. Dự báo năng lực bảo hiểm này sẽ được duy trì trong năm 2010.

Nếu không có các tổn thất lớn hơn nữa trên thị trường, dự đoán tình trạng cung vượt cầu về năng

lực bảo hiểm sẽ dẫn đến chạy đua doanh thu phí bảo hiểm trong năm 2010. Do đó, mức phí bảo hiểm dự báo sẽ giảm xuống trong năm 2010.

Môi giới bảo hiểm cũng sẽ xem xét tất cả các lựa chọn để cải thiện mức phí bảo hiểm cho khách hàng năng lượng của họ như giảm phí bảo hiểm do không có khiếu nại, marketing theo chiều dọc, bảo hiểm dài hạn, chia sẻ rủi ro và các giải pháp lựa chọn khác của thị trường vốn.

Tình hình tổn thất:

Số tiền bồi thường tổn thất năng lượng ngoài khơi trên toàn thế giới trong năm 2009 ước lên đến 3,8 tỷ USD, trong đó các thị trường châu Á trong khu vực phải hứng chịu tới 870 triệu USD.

Tổn thất xây dựng ngoài khơi, đặc biệt là tổn thất dưới biển, vẫn là tiêu điểm và vì thế các nhà bảo hiểm tiếp tục duy trì kỷ luật về mức miễn thường và điều kiện bảo hiểm. Tuy nhiên, danh mục rủi ro xây dựng ngoài khơi chiếm một phần lớn doanh thu phí bảo hiểm của thị trường bảo hiểm ngoài khơi nên năng lực bảo hiểm vẫn không thay đổi.

Thị trường bảo hiểm năng lượng ngoài khơi đã được hưởng lợi đáng kể từ mùa bão hầu như không có tổn thất, tuy nhiên gần đây sự cố giếng phụt và cháy xảy ra tiếp sau trên giàn Seadrill's West Atlas ở biển Timor ngoài khơi phía tây nước Úc với số tiền dự phòng bồi thường hơn 700 triệu USD về thiệt hại tài sản, khổng chế giếng và trách nhiệm. Đây là tổn thất ngoài khơi lớn nhất năm 2009.

Tổn thất lớn khác trong tháng 6 năm nay là vụ đắm và tại giàn Ekofisk ở Biển Bắc do Conoco Phillips điều hành, ước tính 1 tỷ USD, do thiệt hại giàn đầu giếng dưới biển.

Ở châu Á, các nhà bảo hiểm đã tiếp cận thị trường thận trọng trong nửa đầu năm 2009 và thị trường trông chờ phí bảo hiểm tăng khoảng 0% - 10%. Tuy nhiên, cạnh tranh dịch vụ gần đây đã khiến cho phí bảo hiểm giảm xuống ở các thị trường châu Á và vẫn còn phải chờ xem liệu tổn thất West Atlas có ảnh hưởng đến mức phí bảo hiểm hay không trước tình hình thực tế là cung vẫn vượt quá cầu.



BẢO HIỂM - TÁI BẢO HIỂM VIỆT NAM

Tình hình thị trường bảo hiểm Dầu khí Việt Nam:

Theo số liệu thống kê tính đến ngày 31/12/2009, tổng doanh thu phí bảo hiểm của nghiệp vụ dầu khí tại thị trường Việt Nam trong năm nghiệp vụ 2009 đạt khoảng 37,5 triệu USD, tăng hơn 5% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2009, ngoài các đơn bảo hiểm tái tục hàng năm, hoạt động tìm kiếm, thăm dò dầu khí ngoài khơi có vẻ nhộn nhịp hơn so với cùng kỳ năm trước thông qua việc triển khai các hợp đồng tương đối đồng đều trên thềm lục địa Bắc bộ và thềm lục địa phía Nam như là PVEP, CNOOC, Santos khoan tổng cộng 3 giếng tại bể trầm tích Sông Hồng, Pearl Energy khoan 1 giếng tại Lô 06/94 tại bể trầm tích Nam Côn Sơn ngoài khơi phía nam Việt Nam, ONGC khoan 03 giếng tại hai lô 127 và 128 nằm dọc theo bờ biển phía đông của Việt Nam và phía đông bắc thành phố Hồ Chí Minh.

Thêm vào đó, một số dự án phát triển mỏ được triển khai như dự án TOPAZ của Petronas Carigali, Rồng - Đồi Mồi của PV GAS, Tê Giác Trắng của Công ty cùng điều

hành Hoàng Long - Hoàn Vũ. Số phí bảo hiểm của các dự án xây dựng ngoài khơi này chiếm đến 27% tổng phí thị trường trong năm nghiệp vụ 2009.

Về tình hình tổn thất:

Trong năm 2009 (tính đến 31/12/2009), đã có 04 vụ tổn thất xảy ra, chia đều cho hai năm nghiệp vụ 2008 và 2009 với tổng số tiền dự phòng bồi thường lớn nhất từ năm 1994 đến nay, lên đến 50,5 triệu USD (đã trừ mức miễn thường)

So với cùng kỳ năm trước, số vụ tổn thất xảy ra trong năm 2009 giảm 05 vụ, tuy nhiên số tiền dự phòng bồi thường lại tăng thêm 36,5 triệu USD.

Theo số liệu thống kê, các tổn thất trong năm 2009 đều thuộc loại hình bảo hiểm khổng chế giếng. Đó là sự cố trong quá trình khoan lại tại giếng CA CHO 2X của Công ty cùng điều hành Côn Sơn xảy ra ngày 12/01/2009 với số tiền dự phòng bồi thường 11,5 triệu USD. Tiếp theo là sự cố tại giếng sản xuất RD-3P của KNOC xảy ra ngày 08/8/2009 với số tiền dự phòng bồi thường lên đến 20 triệu USD và sự

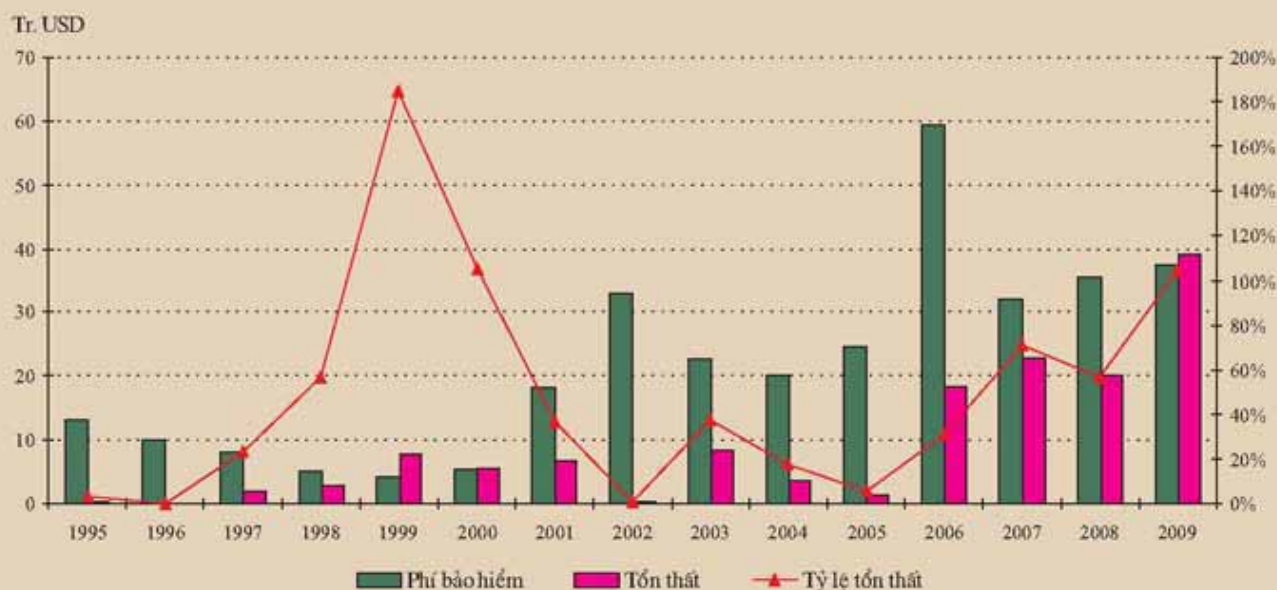
cố giếng phụt và kẹt thiết bị trong giếng khoan tại giếng DH-13P của PVEP xảy ra ngày 08/9/2009 với số tiền dự phòng bồi thường 19 triệu USD.

Xét về năm nghiệp vụ thì năm 2009 cũng là năm thứ ba liên tiếp thị trường bảo hiểm dầu khí Việt Nam phải gánh chịu tổn thất về giếng phụt.

Công tác bồi thường trong năm 2009 tập trung chủ yếu vào việc giải quyết 03 vụ tổn thất thuộc năm nghiệp vụ 2003 và 2006. Đó là thiệt hại đường ống Rạng Đông - Bạch Hổ của Công ty chế biến và kinh doanh sản phẩm khí (PV Gas) và thiệt hại giàn xử lý và thu gom khí của Xí nghiệp liên doanh Việt - Xô (Vietsovpetro) xảy ra cùng ngày 22/9/2003 cũng như là thiệt hại đường ống nội mỏ P14 dưới biển trong quá trình xây lắp tại mỏ Rạng Đông của JVPC xảy ra ngày 27/8/2008.

Tính đến 31/12/2009, tổng số tiền dự phòng bồi thường của các vụ tổn thất chưa giải quyết từ năm 2001 còn gần 65 triệu USD, tăng 3,8 lần so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tổn thất trung bình từ năm 1995 đến nay là 43%.■

PHÍ BẢO HIỂM VÀ TỶ LỆ TỔN THẤT CỦA NGHIỆP VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM từ năm 1995 - 2009 (theo năm nghiệp vụ tính đến ngày 31/12/2009)



BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

2009



Tình hình bảo hiểm hàng không thế giới

Tình hình chung

Xu hướng tăng phí trên thị trường bảo hiểm hàng không thế giới vẫn tiếp tục trong năm 2009. Tổng phí bảo hiểm thân và trách nhiệm năm 2009 ước đạt 1,9 tỷ USD, tăng 20% so với con số 1,6 tỷ USD trong năm 2008. Tuy nhiên, tổng tổn thất hàng không trong năm 2009 lên đến 2,3 tỷ USD, khiến năm 2009 là năm thứ 3 liên tiếp các nhà bảo hiểm bị thua lỗ trên thị trường bảo hiểm hàng không.

Với tình hình 3 năm liên tiếp không thu được lợi nhuận như vậy, có thể năng lực nhận bảo hiểm trên thị trường hàng không sẽ tiếp tục bị dao động. Tuy nhiên, tỷ lệ tăng trung bình 20% của phí bảo hiểm thân và trách nhiệm trong năm qua đã khiến một số nhà bảo hiểm quay

trở lại với thị trường bảo hiểm hàng không. Hơn nữa, mặc dù tổng tổn thất trong năm 2009 cao, nhưng nếu không tính một vài tai nạn lớn thì năm 2009 là một năm tương đối an toàn trong ngành hàng không, số lượng các vụ tổn thất có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm ít hơn so với năm 2008.

Xu hướng cứng của thị trường bảo hiểm hàng không đã bắt đầu từ một vài năm trở lại đây, và trong năm 2009 đã có tới 80% các hãng hàng không tái tục có phí bảo hiểm thân và trách nhiệm tăng, trong khi năm 2008 là 60% và năm 2007 mới chỉ có dưới 30% các hãng có phí bảo hiểm tăng. Điều này có nghĩa là phí bảo hiểm sẽ tiếp tục tăng trong năm 2010, tuy nhiên, phí bảo hiểm tăng

Nguyễn Thị Thoa
Phó phòng TBH Hàng không
VINARE

từ là các hãng hàng không trên thế giới đang phải chịu chi phí bảo hiểm cao lên. Vì thế, cho dù tổn thất vẫn luôn cao hơn phí bảo hiểm, nếu trong năm 2010 không xảy ra một vụ tổn thất lớn, tốc độ tăng phí có thể sẽ giảm đi đôi chút.

Nếu tính cả giai đoạn 10 năm từ 2000 đến 2009, thì tổng phí bảo hiểm thân và trách nhiệm đạt khoảng 24 tỷ USD, và bồi thường khoảng 19 tỷ USD. Như vậy, tổng phí bảo hiểm của thập niên vừa qua cao hơn 25% so với bồi thường. Tuy nhiên, nếu tính thêm 10% chi phí cố định và 15% chi phí tái bảo hiểm thì các nhà bảo hiểm chỉ đạt được mức hòa vốn trong danh mục bảo hiểm hàng không của mình trong thập niên vừa qua.

Tình hình tăng/giảm phí năm 2008

	Thay đổi giá trị đội bay (%)	Thay đổi lượng hành khách (%)	Phí bảo hiểm 2008 (triệu USD)	Phí bảo hiểm 2009 (triệu USD)	Tăng/giảm phí bảo hiểm (%)
Tháng 1	-21	-37	19,34	17,33	-10
Tháng 2	53	44	2,98	3,57	20
Tháng 3	63	-5	20,31	29,68	46
Tháng 4	-1	-7	93,95	99,33	6
Tháng 5	10	2	63,79	72,05	13
Tháng 6	-5	-15	32,03	40,14	25
Tháng 7	2	-11	215,55	261,59	21
Tháng 8	8	10	14,96	18,19	22
Tháng 9	24	-5	16,83	22,17	32
Tháng 10	25	4	93,03	125,82	31
Tháng 11	4	-1	169,21	201,51	19
Tháng 12	2	0	856,48	1.019,14	19
Tổng	3	-2	1.598,46	1.910,52	20

Xu hướng 2010

Khó có thể tiên lượng được tình hình bảo hiểm hàng không thế giới trong năm 2010. Tuy nhiên, chiều hướng của thị trường có thể được thiết lập bởi tình hình bồi thường trong giai đoạn đầu của năm. Nếu tình hình bồi thường ở mức trung bình, thì mức độ cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm hàng không sẽ khiến phí bảo hiểm tăng ở tầm có thể kiểm soát được. Nếu xảy ra các tổn thất lớn, năng lực nhận bảo hiểm có thể sẽ giảm và phí bảo hiểm cho các hãng hàng không sẽ tiếp tục tăng lên với tỷ lệ tăng hiện hành hoặc cao hơn.

Những yếu tố có liên quan đến tình hình bảo hiểm hàng không thế giới năm 2010 không chỉ giới hạn ở ngành hàng không và thị trường bảo hiểm. Với tình hình tài chính thế giới như hiện nay, các nhà cung cấp vốn có thể sẽ có nhiều lựa chọn hơn trong việc phân bổ các nguồn lực của mình trong năm 2010. Điều này có thể làm giảm tình hình cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm hàng không.

Tình hình tổn thất

Tổng tổn thất hàng không thế giới trong năm 2009 nếu không tính các tổn thất nhỏ là 1.793 triệu USD, cao hơn nhiều so với 934 triệu USD trong năm 2008. Nếu tính cả các tổn thất nhỏ thì tổng tổn thất hàng không thế giới năm 2009 là 2.343 triệu USD, trong khi tổn thất năm 2008 là 1.451 triệu USD.

Như vậy, nếu tính cả các tổn thất nhỏ, năm 2009 là năm có tổng tổn thất lớn thứ hai trên thị trường bảo hiểm hàng không (năm 2001 là năm có tổng tổn thất lớn nhất). Tuy nhiên, tổn thất của năm 2009 chủ yếu bị chi phối bởi hai tổn thất lớn trong năm là tổn thất máy bay Airbus A330-203 của hãng Air France ngày mùng 1 tháng 6 với 228 người chết và tổn thất máy bay Airbus A310-304 của hãng Yemenia Airways ngày 30 tháng 6 với 153 người chết. Nếu không có

hai tai nạn này, tổng tổn thất hàng không trong năm 2009 cũng chỉ tương đương con số tổn thất trung bình nhiều năm của thị trường bảo hiểm hàng không.

Các loại hình bảo hiểm hàng không khác

Bảo hiểm cho các loại hình bay dịch vụ được phân chia theo hai mảng là mảng máy bay có cánh cố định và mảng máy bay cánh quạt. Ở mảng máy bay có cánh cố định, các nhà bảo hiểm tiếp tục tìm cách tăng phí bảo hiểm nhưng bị cản trở bởi mức độ cạnh tranh trên thị trường do năng lực nhận bảo hiểm hiện đang ở mức cao. Đối với các công ty khai thác máy bay cánh quạt, đặc biệt các công ty có tham gia các hoạt động ngoài khơi như giàn khoan hoặc các hoạt động hỗ trợ cấp cứu y tế, phí bảo hiểm vẫn đang tiếp tục tăng, cho dù tốc độ tăng đã chậm lại đôi chút.

Với việc thị trường bảo hiểm cho các hãng hàng không đã trải qua một năm tổn thất lớn do có một số tai nạn hàng không nghiêm trọng, thị trường bảo hiểm cho các loại hình bay dịch vụ sẽ chịu áp lực nặng nề từ phía các nhà bảo hiểm hàng không, vì họ đang tìm cách đạt được lợi nhuận cho toàn bộ danh mục bảo hiểm hàng không của mình. Vì năng lực nhận bảo hiểm trên thị trường bảo hiểm cho các loại hình bay dịch vụ vẫn ở

mức cao, tình hình cạnh tranh trên thị trường này vẫn sẽ tiếp tục, và phí bảo hiểm sẽ được giữ trong mức có thể kiểm soát được trong giai đoạn trung và ngắn hạn.

Thị trường bảo hiểm trách nhiệm cho chủ sân bay, người điều hành bay, nhà cung cấp dịch vụ hàng không và nhà chế tạo máy bay vẫn tiếp tục xu hướng giảm phí. Kể từ năm 2007, năng lực bảo hiểm trên thị trường này luôn ở mức tương đối tốt, và sự cạnh tranh giữa các nhà bảo hiểm đã khiến phí bảo hiểm liên tục giảm. Hơn nữa, hoạt động của khách hàng mua bảo hiểm trong lĩnh vực này cũng bị sụt giảm. Theo số liệu tính đến quý 3 năm 2009, lưu lượng hành khách di chuyển tại các sân bay đã giảm 12%. Trong số 38 sân bay đã tái tục tính đến hết quý 3 năm 2009, chỉ có 13 sân bay có số lượng hành khách ước tính tăng, trong đó chỉ có hai sân bay ước tính lượng hành khách tăng trưởng trên 10%, đó là hai sân bay ở Trung Đông, nơi đang có sự phát triển đáng kể về cơ sở hạ tầng. Tỷ lệ giảm phí trung bình trong lĩnh vực bảo hiểm chủ sân bay năm 2009 ước khoảng 3%.

Trong số 16 trung tâm điều hành bay tái tục tính đến hết quý 3 năm 2009, chỉ có hai trung tâm dự kiến có lưu lượng máy bay tăng trong mùa tái tục 2009/2010, mà một trong số đó có tỷ lệ tăng trưởng thấp hơn 1%.



Các nhà tiếp nhiên liệu hàng không cũng ước tính sản lượng nhiên liệu cung cấp trong giai đoạn bảo hiểm 2009/2010 sẽ giảm trên 4% so với giai đoạn 2008/2009.

Lĩnh vực bảo hiểm cho các nhà chế tạo máy bay là lĩnh vực chịu sự đối xử nghiêm khắc nhất từ phía các nhà nhận bảo hiểm so với các loại hình bảo hiểm chủ sân bay, người điều hành bay, và nhà cung cấp dịch vụ. Phí bảo hiểm trong lĩnh vực này tăng trung bình 2% trong năm 2009.

Tình hình bảo hiểm hàng không ở Việt Nam

Hiện nay, ở Việt Nam đang có 4 hãng hàng không khai thác mạng đường bay nội địa là Vietnam Airlines, Vasco, Jetstar Pacific Airlines, và Indochina Airlines. Hiện nay hãng hàng không tư nhân Indochina Airlines đang tạm ngừng khai thác. Hai hãng hàng không cổ phần tư nhân đã được cấp phép chuẩn bị khai thác là Vietjet Air (dự kiến sẽ bay chuyến đầu tiên vào tháng 5 năm 2010), và Mekong Air.

Tổng khối lượng vận chuyển hành khách của Vietnam Airlines năm 2009 đạt 9.348.955 người, tăng 6,64% so với năm 2008, trong đó vận chuyển khách nội địa đạt

6.193.306 người, tăng 17,6%, và khách quốc tế đạt 3.155.649 người. Năm 2009, Vietnam Airlines thực hiện 73.499 chuyến bay an toàn; hệ số sử dụng ghế đạt 73,6%, trong đó nội địa và quốc tế đạt tương ứng 81% và 70,4%. Tổng vận chuyển hàng hoá, bưu kiện ước thực hiện năm 2009 là 131.221 tấn, tăng 2,3% so với năm 2008; trong đó nội địa đạt 87.061 tấn, tăng 12,8% so với năm 2008.

Doanh thu toàn Tổng công ty là 24.620 tỷ VND, vượt 4,1% so với kế hoạch năm 2009, trong đó doanh thu của Vietnam Airlines đạt 24.495 tỷ VND, tăng 1.000 tỷ VND (tương đương 4%) so với kế hoạch đầu năm 2009, lợi nhuận trước thuế đạt khoảng 150 tỷ VND.

Hai hãng hàng không Indochina Airlines và Jetstar Pacific đang gặp rất nhiều khó khăn. Cho đến nay Indochina Airlines vẫn chưa hoàn tất đủ các thủ tục và các bước chuẩn bị để cất cánh trở lại sau 2 tháng dừng bay vì khó khăn tài chính. Tình hình cũng chẳng dễ dàng đối với hãng hàng không lớn thứ 2 của Việt Nam, Jetstar Pacific. Ngoài việc phải làm rõ trách nhiệm các cá nhân liên quan đến khoản lỗ 31 triệu USD từ các hợp đồng mua xăng dầu.

Tổng phí bảo hiểm của toàn thị trường hàng không Việt Nam năm

2009 đạt 24,4 triệu USD, trong đó phí của Vietnam Airlines là 17,427 triệu USD. Phí của thị trường hàng không năm 2009 giảm khá nhiều so với tổng phí 38,8 triệu USD của năm 2008 do trong năm 2009, dự án bảo hiểm vệ tinh VINASAT chỉ còn bảo hiểm trên quỹ đạo với mức phí 2,434 triệu USD.

Tổng tổn thất ước tính của thị trường bảo hiểm hàng không năm 2009 tính đến thời điểm hiện tại khoảng 6,5 triệu USD, chủ yếu là các tổn thất của Vietnam Airlines. Tổng Công ty bay dịch vụ Việt Nam (SFC) có một sự cố máy bay Super Puma với tổng tổn thất khoảng 240.000 USD, sau khi trừ mức miễn thường, bồi thường thuộc hợp đồng bảo hiểm khoảng 40.000 USD. Các khách hàng hàng không khác trên thị trường bảo hiểm hàng không không hề có tổn thất.

Tổng tổn thất của thị trường bảo hiểm hàng không Việt Nam năm 2009 giảm đáng kể so với năm 2008, do trong năm 2008 có sự cố máy bay Boeing 777 của Vietnam Airlines tại Nhật bản ngày 29/7/2008. Ước bồi thường cho sự cố này tại thời điểm hiện tại là 24,5 triệu USD (giảm 5 triệu USD so với ước tính ban đầu), trong đó bồi thường mất khả năng sử dụng là 2,7 triệu USD. Tổng tổn thất hàng không năm 2008 ước đến thời điểm này khoảng 28,7 triệu USD, đã thanh toán được 22,5 triệu USD.

Phần lớn các hãng hàng không và các khách hàng bảo hiểm hàng không ở Việt Nam đã tái tục hợp đồng 2009/2010. Tổng phí của toàn thị trường bảo hiểm hàng không tính đến thời điểm này đạt khoảng 20,5 triệu USD, trong đó phí của Hãng hàng không Việt Nam là 18,5 triệu. Tổng Công ty Bay dịch vụ Việt Nam và dự án bảo hiểm vệ tinh VINASAT sẽ tái tục hợp đồng bảo hiểm trong tháng 4. Phí của hai hợp đồng này trong năm 2008 là 4.318.000 USD.



MÙA TÁI TỤC

P&I 2009 - 2010

Đặng Giáng Hương
Phòng Hàng hải - VINARE

Tình Hình Thị trường P&I Việt Nam năm 2009

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu từ năm 2008 ảnh hưởng đến hầu hết các ngành trong nền kinh tế kể cả ngành vận tải. Các doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển Việt Nam, cùng với sự đi xuống của ngành vận tải biển trên toàn thế giới, các doanh nghiệp trong nước cũng đã phải chặt vật cầm cự chỉ để "mong thoát lỗ". Cuộc vận tải đi xuống, hàng hóa khan hiếm, đa phần tàu phải chạy rỗng một chiều.

Trong khi đó các Hội P&I gọi thêm phí cho các năm 2004-2008 càng làm cho tình hình tài chính của các chủ tàu cũng như các công ty bảo hiểm khó khăn hơn.

Tuy nhiên tình cạnh tranh trong thị trường bảo hiểm P&I không hề giảm mà có phần tăng hơn do số lượng các công ty bảo hiểm P&I tham gia vào nghiệp vụ P&I ngày càng tăng. Số tàu tham gia P&I tính đến cuối năm 2009 là 484 tàu, số tấn dung tích đạt gần 4,2 triệu tấn. Theo thống kê thị phần P&I của các Hội P&I cũng không thay đổi nhiều so với năm 2008 cụ thể như sau

Hội P&I	Thị Phần
WOE	62,65
LSSO	17,36
GARD	15,62
STEAMSHIP	4,38



Trong khi thị trường tàu biển đi xuống các chủ tàu có tiềm lực tài chính đã tranh thủ mua tàu mới: Petrolimex 16, Vinaship Sea, Vinaship Pearl, Aulac Jupiter, Comatce Star, Vinalines Queen...

Mùa tái tục P&I 2010/11

Theo thông tin cập nhật từ các thông báo của các Hội P&I cho thấy: tình hình tài chính của các Hội P&I khá là khả quan trong năm 2009 cụ thể là dự phòng tự do của các Hội tăng đáng kể vì các lý do sau:

- Một số Hội P&I đã thu được 1 khoản tiền khá lớn từ việc gọi thêm phí trong các năm từ 2004-2008

- Tình hình kinh tế thế giới cũng dần dần khởi sắc: thị trường chứng khoán trên toàn thế giới đều tăng điểm so với cuối năm 2008, thị trường nhà đất cũng bớt ảm đạm, đồng USD cũng tăng giá hơn chính vì vậy mà đầu tư tài chính của các Hội P&I đều khả quan.

Do tình hình tài chính các Hội P&I được cải thiện đáng kể nên mức tăng chung của P&I cho tái tục năm 2010-2011 tăng giao động từ 0% đến 5%. Tuy nhiên mức tăng chung cho FD&D thì lại tăng đáng kể giao động từ 5% - 20% vì các khiếu nại thuộc nhóm này tăng lên đáng kể. Mặc dù đưa ra mức tăng chung là không lớn nhưng từ mùa tái tục năm 2009 và mùa tái tục năm nay các Hội chú ý nhiều đến tăng mức khấu trừ của các khiếu nại đối với các Hội viên.

Chi tiết mức tăng chung 2009-2010 của các Hội theo bảng dưới đây

Hội P&I	2009/10		2010/11	
	P&I	FD&D	P&I	FD&D
American	29,00%	29,00%	4,20%	4,20%
Britannia	12,50%	15,00%	5,00%	50,00%
Gard	15,00%	15,00%	0,00%	20,00%
Japan	21,20%	0,00%	12,50%	0,00%
London	15,00%	15,80%	5,00%	20,00%
North of England	17,50%	20,00%	5,00%	10,00%
Shipowners **	10,00%	10,00%	5,00%	0,00%
Skuld *	15,00%	15,00%	5,00%	5,00%
Standard *	15,00%	15,00%	3,00%	15,00%
Steamship	17,50%	15,00%	5,00%	0,00%
Swedish	15,00%	15,00%	2,50%	2,50%
United Kingdom	12,50%	12,50%	5,00%	5,00%
West of England *	19,20%	20,00%	5,00%	10,00%

Ghi chú: tỉ lệ trên tính trên cả thay đổi cấu trúc phí ETC (Nguồn AJG 2010 P&I Review)

Một vấn đề quan trọng đã được nhóm hội Quốc tế quyết định cho năm tái tục 2010-2011 đó là tăng mức giữ lại của các Hội P&I từ 7 triệu USD lên 8 triệu USD. Sau nhiều năm dự định tăng mức giữ lại của các Hội P&I nhưng đến tái tục này mức giữ lại của các Hội sẽ là 8 triệu USD áp dụng từ 20/02/2010. Cơ cấu tái bảo hiểm của nhóm Hội quốc tế không có thay đổi.

Thời điểm áp dụng	Mức giữ lại của các Hội
Trước 20.2.2007	6 triệu USD
Từ 20.02.2007	7 triệu USD
Từ 20.02.2010	8 triệu USD



BẢO HIỂM - TÁI BẢO HIỂM VIỆT NAM

Tình hình khiếu nại P&I trong các năm 2008, 2009 là khá quan hơn các năm trước đó thể hiện qua số liệu các vụ khiếu nại rơi vào Pool từ 2003 đến 2009.

Các khiếu nại thuộc POOL từ 2003-2009

Năm	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Số khiếu nại	19	30	27	40	24	9	15
Số tiền(triệu USD)	131	292	258	470	364	125	118

Nhóm Hội quốc tế đã tái tục xong hợp đồng tái bảo hiểm năm 2010 với mức phí tái bảo hiểm giảm trừ loại tàu hàng khô.

Sau một thời gian tái tục giữa các công ty bảo hiểm và các hội P&I, việc tái tục giữa các đội tàu về cơ bản đã hoàn thành. Về nguyên tắc Hội WOE giữ mức tăng tối thiểu là 5% kể cả các đội có tình hình tổn thất tốt. Các đội tàu tham gia với Hội Steamship có mức tăng cao nhất 5%. Một số đội tàu có tỉ lệ bồi thường xấu và rất xấu, hội đã đề xuất tỷ lệ tăng khá lớn, tuy nhiên các công ty bảo hiểm liên quan đã nỗ lực thương lượng với hội đem

Loại tàu	2009	2010	Thay đổi
Tàu dầu thô	0,8079	0,7554	-6,50%
Tàu chở dầu thành phẩm	0,3667	0,3335	-9,05%
Tàu hàng khô/ container	0,3695	0,3867	4,65%
Tàu khách	1,6026	1,5654	-2,32%

lại kết quả khá tốt... tỷ lệ tăng cao nhất là 20% với hội WOE, 25% đối với Hội GARD, 35% đối với Hội LSSO.

Trừ một số đội tàu có tỉ lệ bồi thường cao còn nhìn chung các đội tàu khác có mức tăng hợp lý và khá thuận lợi so với mấy mùa tái tục gần đây là nhờ tình hình kinh tế thế

giới có phần cải thiện ảnh hưởng tích cực đến tình hình tài chính của các Hội mặt khác tình hình bồi thường năm 2009 cũng khá quan hơn so với các năm trước cũng là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến mùa tái tục 2010. Hi vọng các chủ tàu cùng các công ty bảo hiểm cùng vượt qua thời kỳ khủng hoảng kinh tế và phát triển mạnh mẽ hơn.■





Mai Xuân Dũng

Phó phòng Hàng Hải - VINARE

Tình hình kinh tế - xã hội trong nước cũng như trên toàn thế giới diễn biến phức tạp, nhiều gói kinh cầu đã được các quốc gia triển khai nhưng nền kinh tế thế giới vẫn chưa hồi phục được.

Đối với Việt nam, theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước GDP năm 2009 đạt tăng 5,32%, chỉ số giá tiêu dùng bình quân 12 tháng năm 2009 tăng 6,88% - thấp nhất trong 6 năm trở lại đây. Một số nhà kinh tế cho rằng trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, nền kinh tế nước ta đạt được thành công kép, vừa tăng trưởng tương đối khá, vừa duy trì được mức độ lạm phát

không cao, là thành công lớn..

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2009 ước tính chỉ đạt 56,6 tỷ USD, giảm 9,7% so với năm 2008. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2009 ước tính đạt 68,8 tỷ USD, giảm 14,7% so với năm 2008. Tuy kim ngạch nhập khẩu có tốc độ giảm cao hơn kim ngạch xuất khẩu nhưng nhập siêu hàng hoá năm 2009 ước tính vẫn ở mức 12,2 tỷ USD, giảm 32,1% so với năm 2008 và bằng 21,6% tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm 2009.

Về bảo hiểm hàng hoá, theo thống kê của Hiệp hội bảo hiểm Việt nam, doanh thu bảo hiểm hàng năm 2009 đạt 952 tỷ VND, giảm

2,1% so với năm 2008, các doanh nghiệp có doanh thu dẫn đầu thị trường ở nghiệp vụ này vẫn là các công ty "lớn", hoạt động lâu năm, có mạng lưới rộng khắp: Bảo Việt với 267 tỷ VND, PJICO - 130 tỷ VND, PVI 90,3 tỷ VND, Bảo Minh 90,2 tỷ VND.

Tình hình cạnh tranh trong bảo hiểm hàng hoá vẫn tiếp tục quyết liệt bằng giảm phí, giảm mức khấu trừ và các thoả thuận ưu đãi riêng. Đối với một số mặt hàng nhạy cảm như thức ăn gia súc, phân bón, sắt thép ... đã được thông báo rộng rãi nhưng thời gian trước các doanh nghiệp vẫn cạnh tranh quyết liệt vì lượng doanh thu rất lớn. Gần đây, một số doanh nghiệp trước đây

cạnh tranh quyết liệt giành dịch vụ bằng giảm phí, giảm mức khấu trừ đã chịu nhiều bồi thường nên đã thắt chặt điều kiện điều khoản hoặc có biện pháp tăng phí, thậm trí không tiếp tục khai thác mặt hàng này. Việc thu phí tàu giả giường như được quan tâm hơn trước để tăng nguồn thu, phản ánh được phần nào mức độ rủi ro mà công ty bảo hiểm phải gánh chịu khi chấp nhận bảo hiểm cho hàng chở trên tàu cao tuổi.

Về tổn thất và bồi thường: Trong năm 2009 đã có một số vụ tổn thất lớn phát sinh nhưng do tính chất phức tạp của vụ việc nên nhiều vụ vẫn đang được các bên liên quan phối hợp giải quyết. Có thể kể đến các vụ tổn thất lớn như:

1. Vụ đắm tàu BÌNH ĐỊNH RIVER ngày 08/01/2009 tại Indonesia gây tổn thất toàn bộ lô hàng do PVI bảo hiểm với số tiền bảo hiểm lên tới 2,93 triệu USD. Mặc dù đó có tìm thấy tàu và hàng mắc trên 1 hòn đảo ở Indonesia nhưng do địa hình không thuận lợi cho cứu hộ, trực vớt trong khi hàng



được bảo hiểm là máy đặc chủng đã bị ngâm nước biển lâu ngày, với sự tư vấn của các nhà giám định, trực vớt chuyên nghiệp, PVI đã thống nhất giải quyết bồi thường trên cơ sở thương lượng với số tiền là 2,203 triệu USD

2. Tàu DANOOSH bị đắm và nghiêng ở Singapore ngày 23/4/2009 đã gây thiệt hại nặng nề cho một số lô hàng ngô hạt nhập khẩu từ Ấn độ về Việt nam. Tổng giá trị các lô hàng trên tàu tại thời

điểm bị nạn khoảng gần 5 triệu USD trong đó có một số lô được các công ty Bảo Việt, PJICO, ABIC và Bảo Tín bảo hiểm. Số khác chủ hàng không kịp mua bảo hiểm trước khi tàu bị nạn. Các bên đã thống nhất từ bỏ hàng cho tàu xử lý.

3. Tàu BULK ENERGY (tàu nước ngoài) không về cảng Hải Phòng như dự kiến ban đầu có thể gây thiệt 2 lô hàng cám gạo Ấn độ do PJICO bảo hiểm trị giá bảo hiểm 1,3 triệu USD. Ngoài ra trên tàu này còn có 2 lô hàng nhỏ khác do ABIC và Bảo Việt bảo hiểm.

4. Tổn thất toàn bộ lô hàng gỗ tròn có số tiền bảo hiểm là 1.021.650 USD trên tàu Sea Chart I do tàu bị chìm trên đường từ Myanmar về Việt Nam ngày 23/8/2009. Bảo Long đang phối hợp với các bên liên quan để giải quyết tổn thất này. Tổng thể cả thị trường, tình hình tổn thất đến tháng 8/2009 giường như là khá quan, tuy nhiên cơn bão Mirinca và Ketsana đổ bộ vào



miền trung hồi cuối tháng 9 và đầu tháng 11 đã không chỉ gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản trên bờ ở khu vực miền trung mà còn gây thiệt hại hàng loạt đối với bảo hiểm hàng hải. Về hàng hoá, 2 cơn bão này đã gây thiệt hại cho một số lô hàng lớn như:

- * Đắm tàu LUCKY DRAGON (của Trung Quốc) cùng lô hàng tôn cuộn do Bảo Long bảo hiểm với số tiền bảo hiểm là 1,8 triệu USD bị đắm tại khu vực cảng Đà Nẵng ngày 03.11.2009 do bão Mirinae. Chủ hàng đã tuyên bố từ bỏ hàng và đòi bồi thường tổn thất toàn bộ với lý do hàng hoá trực vớt lên không xử dụng được để sản xuất các sản phẩm của chủ hàng.

- * Chìm xà lan Bongaya 93 ngày 03.11.2009 tại Quy Nhơn do bão Mirinae gây tổn thất toàn bộ số hàng còn lại trên xà lan (sau khi dỡ

được 1 phần) thiệt hại khoảng hơn 300.000 USD. Bảo Long đã tạm ứng một phần nhằm hỗ trợ chủ hàng thu gom gỗ.

- * Chìm tàu THANH MINH 27 tại Sơn Trà, Đà Nẵng ngày 28/9/2009 do bão Ketsana làm mất toàn bộ 3165 phuy mỡ cá do GIC bảo hiểm. Công ty bảo hiểm đã bồi thường tổn thất toàn bộ lô hàng này với số tiền 6,73 tỷ VND.

- * Mắc cạn tàu Vinashin Inco 27 cùng lô hàng trị giá 1,66 triệu USD tại Vũng Áng do bão Ketsana ngày 29/9/2009. Các bên đã cùng phối hợp trực vớt và đưa hàng về cảng đến cuối cùng (Hải Phòng).

Hoạt động tái bảo hiểm hàng hoá thường được các công ty bảo hiểm kết hợp cùng với bảo hiểm thân tàu để thu xếp hợp đồng tái bảo hiểm cố định với phạm vi rất rộng. Mặc



dù vậy, để có dịch vụ tái bảo hiểm trao đổi hơn nữa cũng là để chia sẻ các rủi ro có số tiền bảo hiểm lớn hơn khả năng của hợp đồng tái bảo hiểm hoặc nhận định rủi ro không được tốt (theo kinh nghiệm trong quá khứ), các doanh nghiệp trong nước ngày càng tăng cường trao đổi dịch vụ tái bảo hiểm hàng hoá.■



Bảo hiểm thân tàu biển 2009



Năm 2009 là một năm quá khó khăn đối với ngành vận tải biển. Tiếp đà của năm 2008, giá tàu tiếp tục giảm mạnh, kinh doanh tàu biển thật khó có thể có lãi, nhiều chủ tàu thậm trí còn muốn bán tàu (mặc dù giá rất thấp) để giảm bớt gánh nặng. Có người cho rằng càng chạy tàu càng lỗ vì không có hoặc không đủ hàng để chạy, cước vận tải thu được thấp không đủ trang trải chi phí, nếu bán được tàu thì có thể trả bớt lãi vay và hạn chế bớt gia tăng lỗ kinh doanh.

Ngược lại, các chủ tàu đã giao kết mua tàu mới từ các năm trước hoặc có tiềm lực kinh tế tốt vẫn tiếp tục đưa tàu về kinh doanh. Số lượng tàu bổ sung thêm cho đội tàu Việt nam năm 2009 không nhiều và giá trị bảo hiểm của các tàu cũng không thực sự lớn. Các tàu mới

được tham gia bảo hiểm với các công ty bảo hiểm trong nước có thể kể đến như: PVT ATHENA (53 triệu USD), VINALINES QUEEN (23,6 triệu USD), PVT EAGLE (23,25 triệu USD), LUCKY STAR (20,4 triệu USD), VTC PHOENIX (20 triệu USD),....

Trong năm 2009, cả thị trường có hơn 20 dịch vụ đóng tàu biển được cấp đơn bảo hiểm mới trong khi các đơn bảo hiểm đóng tàu cũ vẫn tiếp tục được gia hạn do các xưởng không giao được tàu cho chủ tàu (chưa hoàn thiện).

Nhìn chung mức độ cạnh tranh trong bảo hiểm gốc đối với các đơn tái tục không quá gay gắt do kết quả kinh doanh của nghiệp vụ này xấu, tỷ lệ phí đã ở mức quá thấp so với rủi ro mà công ty bảo hiểm phải gánh chịu. Thêm vào đó, tình trạng

Mai Xuân Dũng
Phó phòng Hàng Hải - VINARE

nợ đọng phí trong điều kiện khủng hoảng kinh tế là vấn đề nội cộm trong bảo hiểm tàu biển nói chung và thân tàu biển nói riêng. Tổng phí bảo hiểm thân tàu biển cả thị trường năm 2009 tăng khoảng 20% so với năm 2008.

Việc thu xếp tái bảo hiểm tạm thời đối với các dịch vụ lớn về thân tàu vẫn là vấn đề khó khăn mà các công ty gặp phải, đặc biệt là các tàu có tình hình tổn thất xấu. Cá biệt có một số dịch vụ đã không thể tái tục được với các công ty nhận tái bảo hiểm tạm thời của năm trước do gặp nhiều tổn thất và phải hoàn nhiều phí laid-up return; Công ty bảo hiểm đã phải kêu gọi thêm sự hỗ trợ của các công ty khác trên cơ sở đồng bảo hiểm.



Về tình hình tổn thất. Do thực tế kinh doanh vận tải thủy gặp nhiều khó khăn, một số chủ tàu không đảm bảo được trang thiết bị, đời sống của thủy thủ thuyền trên tàu như các năm trước nên một vài trường hợp thủy thủ đoàn cố tình rời tàu ngay sau khi tàu gặp nạn thậm trí cũng không tự giác trở lại tàu ngay cả khi tàu đã được xác định là không còn nguy hiểm. Các tổn thất như hỏng trục, hỏng máy chính, hỏng thiết bị, đắm va... liên tiếp xảy ra trong các tháng đầu năm. Nửa đầu năm 2009 chỉ có 01 tổn thất đắm tàu của tàu Thảo Linh 02 ngày 22/3/2009 với số tiền bảo hiểm 35 tỷ VND được coi là tổn thất lớn; Vụ tổn thất này vẫn đang trong quá trình giải quyết. . Đến 30/8/2009, tàu HODASCO 15 do Bảo Việt bảo hiểm với số tiền bảo hiểm lên tới 4,75 triệu USD được thông báo là chìm tại Singapore nhưng sau đó đã được các bên liên quan phối hợp xử lý và kéo về Việt Nam để sửa chữa. Tiếp sau đó là ảnh hưởng nặng nề của bão Ketsana và Mirinca, đặc biệt là tổn thất đóng tàu tại Nhà máy đóng tàu Dung Quất do nước biển tràn vào

làm ngập ụ đóng tàu, ngập máy tàu 105.000 DWT đang được thi công (Các bên đang trong quá trình giải quyết hậu quả). Các tổn thất khác do bão Ketsana và Mirinca đối với thân tàu có thể kể đến như:

- * Mắc cạn tàu Đông Hoa ngày 02/11/2009 tại khu vực cảng Dung Quất. Các bên đã thực hiện cứu hộ đưa tàu ra cạn và đi kiểm tra để sửa chữa với tổng chi phí lên đến hơn 1 tỷ VND. Tuy nhiên, do chi phí sửa chữa dự kiến sau đó sẽ rất lớn nên

Bảo Việt, theo yêu cầu của người được bảo hiểm, đã giải quyết bồi thường tổn thất toàn bộ 1 triệu USD.

- * Tàu Vinashin Inco 27 bị bão Ketsana đưa vào cạn ở Vũng Áng ngày 29/9/2009. Chủ tàu đã tuyên bố tổn thất chung. Các bên đã phối hợp cứu vớt hàng và đưa tàu ra cạn.

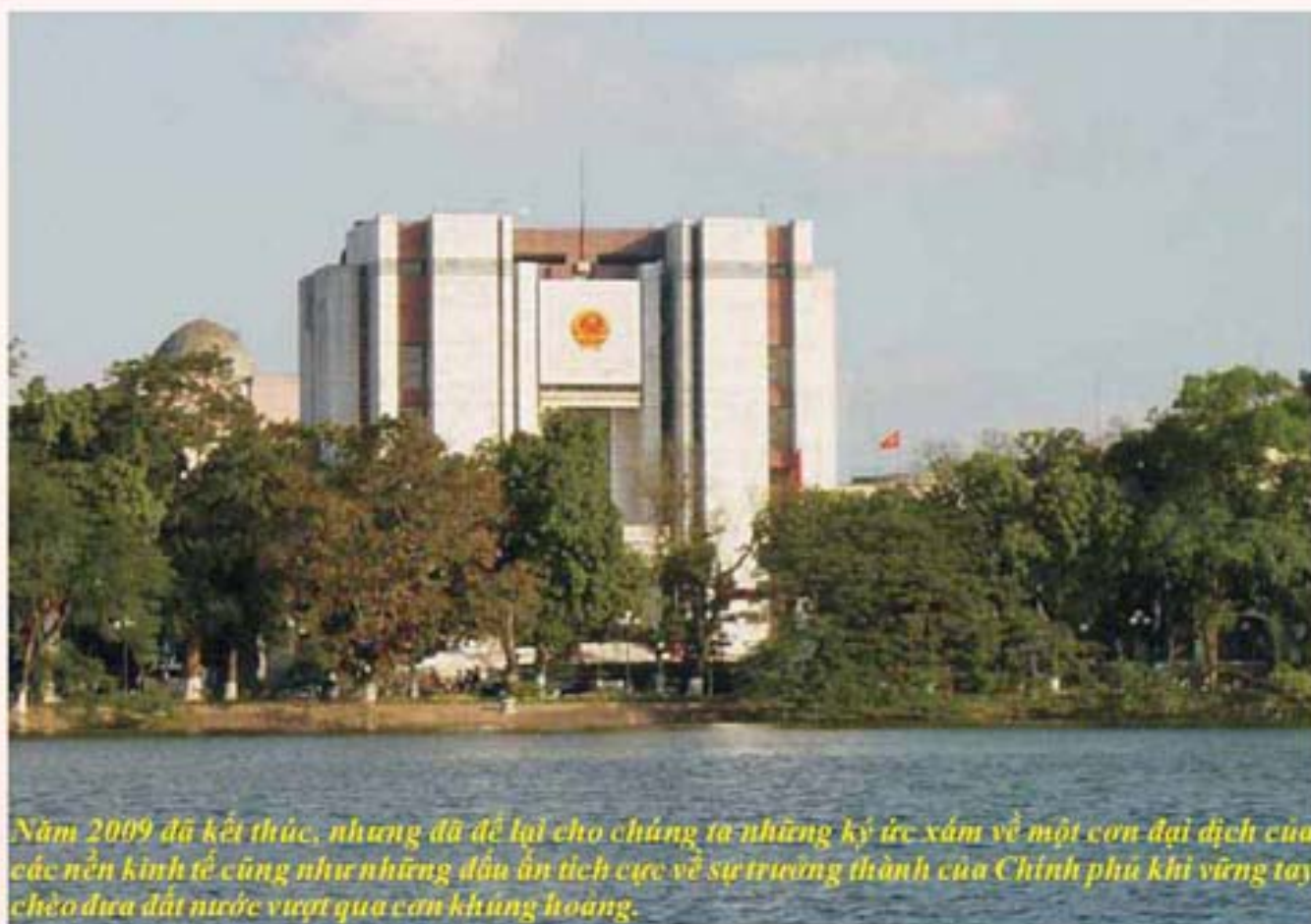
- * Mất tích tàu Sông Đào 07 do bão Ketsana có thể phải bồi thường toàn bộ số tiền bảo hiểm 8,9 tỷ VND (ABIC bảo hiểm).

- * Các vụ tổn thất khác do bão Ketsana đã được báo cáo lên đến gần 20 tỷ VND.

Đến nay còn nhiều đơn bảo hiểm cấp trong năm chưa hết hiệu lực nên khó có thể nói trước được tình hình bồi thường của năm 2009. Tuy nhiên, với tình hình tổn thất như đã ghi nhận, ước tính nghiệp vụ này sẽ tiếp tục có 1 năm lỗ nghiệp.



KINH TẾ 2009 - HAI ĐIỀU LÀM NÊN THÀNH CÔNG



Năm 2009 đã kết thúc, nhưng đã để lại cho chúng ta những kỷ ức xám về một cơn đại dịch của các nền kinh tế cũng như những dấu ấn tích cực về sự trưởng thành của Chính phủ khi vững tay chèo đưa đất nước vượt qua cơn khủng hoảng.

Vượt qua khủng hoảng

Tại Việt Nam, chỉ trong một thời gian ngắn, đã trải qua 2 thái cực không mong muốn của nền kinh tế: lạm phát và giảm phát. Chín tháng đầu năm 2008, lạm phát phi mã tới 22%, thì ba tháng cuối năm 2008, nền kinh tế lại rơi vào giảm phát khi chỉ số giá tiêu dùng liên tục âm. Bước sang đầu năm 2009 bóng đen của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới không chỉ ám ảnh mà đã hiện hữu trong nền kinh tế Việt Nam khi hàng loạt xí nghiệp đóng cửa, công nhân thiếu việc làm, hàng hoá không xuất khẩu được. Nhiều dự báo bi quan được tung ra.

Bộ Lao động Thương binh xã hội ước đoán lao động thất nghiệp sẽ tới 400.000 người. Các tổ chức quốc tế như IMF, WB dự đoán mức tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2009 chỉ ở con số 3,5%.

Tuy nhiên, với những kinh nghiệm trong việc xử lý chống lạm phát năm 2008, Việt Nam đã nhanh chóng khắc phục được tình trạng suy giảm kinh tế và thành công trong việc đưa nền kinh tế sớm ra khỏi khủng hoảng. Quý I/2009, mức tăng trưởng GDP thấp nhất trong 20 năm đổi mới chỉ đạt 3,10%, quý II đã tăng hơn 4,5%, quý III đạt mức tăng 5,8% và quý

IV tăng trên 6,6%. Tính ra mức tăng GDP năm 2009 của Việt Nam đạt 5,32% (Trong đó công nghiệp và xây dựng tăng 5,52%, dịch vụ tăng 6,63%, nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,83%) cao hơn chỉ tiêu của Quốc hội đề ra, chỉ số giá tiêu dùng cũng thấp hơn mức 7%.

Sự sáng tạo trong điều hành kinh tế của Chính phủ

Thành công đưa nền kinh tế sớm ra khỏi khủng hoảng trước hết phải kể đến sự uyển chuyển linh hoạt trong việc ban hành kịp thời các chính sách kinh tế của Chính phủ. Đặc biệt, sự sáng tạo trong gói kích

thích kinh tế. Để chống lạm phát đang trên đà phi mã, Chính phủ đã thắt chặt tín dụng, nâng mức dự trữ tiền mặt bắt buộc ở các ngân hàng thương mại, phát hành trái phiếu Chính phủ thu hút tiền nhàn rỗi ở ngân hàng và trong cộng đồng, cắt giảm các dự án đầu tư, giảm chi tiêu công, nâng lãi suất tín dụng để thu hút vốn nhàn rỗi trong dân cư. Khi lạm phát được ngăn chặn, dấu hiệu giảm phát bộc lộ trong quý IV với chỉ số giá tiêu dùng liên tục âm trong 3 tháng và kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh. Chính phủ đã nhanh chóng chuẩn bị các phương án chống giảm phát. Hiếm có khi nào Chính phủ phản ứng nhanh với các tình huống trái chiều của nền kinh tế như vậy. Các chính sách tiền tệ, chính sách tài khoá, chính sách đầu tư, chính sách thị trường liên tục được đưa ra ứng phó với tình trạng suy giảm kinh tế,... Ngay dịp tết Kỷ Sửu, Chính phủ đã chi hỗ trợ mỗi hộ nghèo 1 triệu đồng để kích cầu tiêu dùng; việc hỗ trợ tiêu dùng là cách gián tiếp tác động tới sản xuất.

Việt Nam hỗ trợ 4% lãi suất vay ngân hàng cho những xí nghiệp, công ty cần vốn để tiếp tục sản xuất. Việc hỗ trợ khiến nhà sản xuất có vốn vay với lãi suất thấp, nhờ vậy, giá thành sản phẩm được

kéo xuống và sản phẩm bán ra với giá thấp hơn được tiêu thụ tốt hơn. Tính đến ngày 17/12/2009, các ngân hàng thương mại, công ty tài chính đã cho vay hỗ trợ lãi suất 415.216,48 tỷ VND. Trong đó doanh nghiệp nhà nước vay 59.817 tỷ VND, doanh nghiệp ngoài quốc doanh vay 290.093 tỷ VND và các hộ sản xuất vay 65305 tỷ VND. Việc hỗ trợ lãi suất đã giúp doanh nghiệp giảm chi phí vay vốn khoảng 30 - 40%, giảm giá thành từ 2,5 - 6%, có tới 91% doanh nghiệp vừa và nhỏ duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh.

Nhờ chính sách kích cầu thông qua hỗ trợ lãi suất một cách kịp thời, đúng đối tượng nên đã giúp các doanh nghiệp vượt qua khó khăn thời khủng hoảng, ổn định được sản xuất và từng bước phát triển. Đánh giá của Tập đoàn Goldman Sachs đã cho rằng "Chương trình kích cầu của Việt Nam đặc biệt thành công". Ngân hàng thế giới (WB) cũng đánh giá Việt Nam vượt qua khủng hoảng tương đối tốt nhờ chính sách tiền tệ đã được nói lòng đáng kể, có tác dụng tích cực trong việc hỗ trợ các nhu cầu trong nước sau một thời kỳ thắt chặt vào năm 2008. Ngân hàng Nhà nước đã cắt giảm lãi suất xuống còn 7% trong giai đoạn từ



giữa năm 2008 đến tháng 2/2009. Việc cắt giảm lãi suất cùng với việc hỗ trợ lãi suất đã dẫn đến sự tăng trưởng tín dụng ngân hàng và từ đó giúp cho kinh tế hồi phục đã tăng trưởng. Ngân hàng phát triển châu Á thì cho rằng: "Nền kinh tế Việt Nam vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu tương đối tốt, chủ yếu do có những phản ứng chính sách nhanh chóng và mạnh mẽ của Chính phủ." Có thể nói, việc hỗ trợ lãi suất vay cho doanh nghiệp là một cách làm rất sáng tạo của Việt Nam. Bằng cách này, Chính phủ cần dành một lượng vốn hỗ trợ không lớn nhưng tác động rất tích cực đối với sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước.

Nhận thức lại vai trò của thị trường nội địa

Suốt những năm lấy xuất khẩu làm định hướng phát triển, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã dội một gáo nước lạnh vào đầu các doanh nghiệp Việt Nam khi thị trường xuất khẩu co hẹp (năm 2009 xuất khẩu giảm 9,7% sau 18 năm liên tục tăng trưởng) vì chính sách bảo hộ của các nước và việc thắt chặt tiêu dùng diễn ra ở hầu hết những quốc gia là thị trường chủ yếu của hàng Việt. Nhờ có "gáo nước lạnh" đó, doanh nghiệp Việt Nam như tỉnh ngủ, đã quay trở lại và khám phá thị trường nội địa. Cùng với chính sách kích cầu tiêu dùng trong



nước của Chính phủ, các doanh nghiệp chú trọng làm hàng chất lượng cho tiêu dùng nội địa, đưa hàng về vùng nông thôn, vùng xa, vùng sâu. Rồi việc ưu tiên dùng hàng Việt được phát động thành một phong trào trong cả nước. Năm 2009 có thể coi là năm doanh nghiệp khám phá lại thị trường nội địa. Và kết quả thật bất ngờ: tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ trong nước đạt 1197,5 nghìn tỷ VND, tương đương 66,1 tỷ USD (trong khi xuất khẩu chỉ đạt gần 57 tỷ USD). Nếu tính theo sức mua tương ứng thì còn lên tới 200 tỷ USD. So với năm 2008, lưu chuyển bán lẻ tăng 18,6% và nếu loại trừ yếu tố do giá tăng thì vẫn đạt mức tăng 11%, gấp 2 lần mức tăng GDP và gấp rưỡi mức tăng của năm 2008. Trong lưu chuyển hàng hoá bán lẻ thì thương mại thuần túy chiếm 77,1%, dịch vụ 21% và du lịch 1,9%.

Kết quả tăng mức lưu chuyển bán lẻ của thị trường trong nước đạt tới 18,6% và dung lượng của thị trường này còn lớn hơn cả thị trường xuất khẩu cho thấy việc phát triển thị trường nội địa là một hướng đi chiến lược lâu dài chứ không chỉ là bước lùi tạm thời khi xuất khẩu gặp khó khăn. Tập đoàn Goldman Sachs nhận xét rất chí lý: thị trường nội địa và các chính sách mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam đã giúp đất nước này vượt qua cuộc khủng hoảng rất ấn tượng và hồi phục kinh tế nhanh chóng.

Việc thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam cũng đạt được những kết quả đầy ấn tượng trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu. Theo Cục Đầu tư nước ngoài: năm 2009, Việt Nam đã thu hút 1.054 dự án đầu tư FDI (tính cả cấp mới và tăng vốn), đạt 21,482 tỷ USD, bằng 30% so với năm 2008 (trong đó 839 dự án FDI đăng ký mới với tổng vốn đầu tư đạt 16,345 tỷ USD, bằng 24,6% so với năm 2008, 215 lượt dự án tăng vốn với tổng vốn tăng thêm đạt 5,137 tỷ USD, bằng 98,3% so với năm 2008). Như vậy, Việt Nam đã vượt mục tiêu thu hút vốn FDI

đề ra cho năm 2009 (20 tỷ USD). Tính đến 2009, đã có 43 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam, lớn nhất là Hoa Kỳ với tổng vốn đăng ký là 9,8 tỷ USD; Cayman Islands đứng thứ 2 với tổng vốn đăng ký 2,02 tỷ USD; đứng thứ 3 là Samoa với tổng vốn đăng ký 1,7 tỷ USD; Hàn Quốc đứng thứ 4 với 1,66 tỷ USD,... Bà Rịa - Vũng Tàu là địa phương thu hút nhiều vốn FDI lớn nhất trong năm 2009, với 6,73 tỷ USD vốn đăng ký mới và tăng thêm. Năm qua, trong cả nước vốn FDI thực hiện đạt ước 10 tỷ USD, bằng 87% so với năm 2008. Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2009 theo giá thực tế ước tính đạt 704,2 nghìn tỷ VND - tăng 15,3% so với năm 2008 và bằng 42,8% GDP.

Kết thúc năm 2009, Việt Nam trở thành nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực và là một trong 12 nền kinh tế trên thế giới tăng trưởng dương.

Bước sang năm 2010, kinh tế Việt Nam được nhận định tiếp tục khó khăn, tuy nhiên trong bối cảnh được đánh giá vừa qua khủng hoảng, suy thoái và những kết quả đầy khả quan của kinh tế năm 2009, Chính phủ đã đề ra và quyết tâm thực hiện được một số chỉ tiêu cơ bản sau:

- * Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,5% so với 2009 (trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng khoảng 7%, dịch vụ tăng 7,5%, nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng khoảng 2,8%).

- * Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng trên 6% so với năm 2009.

- * Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bằng khoảng 41% GDP.

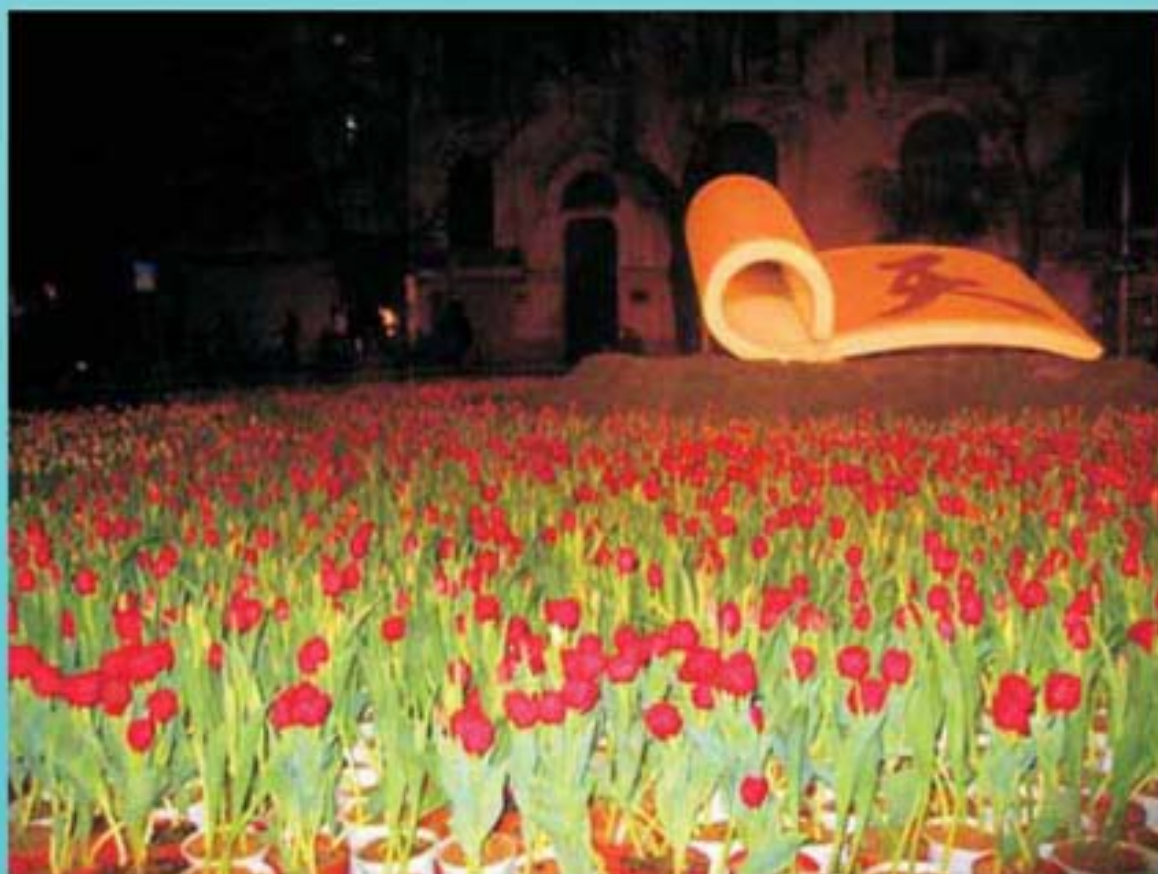
- * Chỉ số giá tiêu dùng tăng không quá 7%.

- * Tạo việc làm cho khoảng 1,6 triệu lao động, trong đó đưa 8,5 vạn lao động đi làm việc ở nước ngoài. Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10%.

- * Thu hút vốn FDI năm 2010 tăng 10% so với ước thực hiện 2009, đạt từ 22-25 tỷ USD. Trong đó, vốn đăng ký mới dự kiến khoảng 19 tỷ USD; vốn tăng thêm khoảng 3 tỷ USD. Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam (4/12/2009) đã thống nhất số tiền cam kết viện trợ (ODA) kỷ lục từ trước tới nay cho Việt Nam trong năm 2010 là hơn 8 tỷ USD, trong đó hơn 1,4 tỷ USD là viện trợ không hoàn lại.■



CHÚC MỪNG NĂM MỚI



2010

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**

HANOI: 141 Le Duan Str., Hoan Kiem Dist., Tel: 84.4. 39422354/65 - 69 - Fax: 84.4. 39422351

Branch Office: 11 Nguyen Cong Tru Str., Dist 1., Hochiminh City - Tel: 84.8. 38211615 - Fax: 84.8. 38211616